chính đáng và được cơ quan, tổ chức, cá nhân tại Việt Nam có văn bản đề nghị gửi Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an (đối với người thuộc diện làm thủ tục tại Bộ Công an) hoặc Cục Lãnh sự, Vụ Lễ tân - Bộ Ngoại giao (đối với người thuộc diện làm thủ tục tại Bộ Ngoại giao) thì có thể được xem xét cấp thị thực hoặc gia hạn tạm trú phù hợp với mục đích xin ở lại.

Điều 3. Khách Nhật Bản vào Việt Nam theo Quy chế này phải có hộ chiếu Nhật Bản còn giá trị ít nhất 03 tháng và có vé khứ hồi hoặc vé đi tiếp nước khác.

Điều 4. Khách Nhật Bản thuộc một trong các đối tượng quy định tại mục b, c, d và đ khoản 1 Điều 8 Pháp lệnh về Nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 28/4/2000 hoặc không đáp ứng một trong các yêu cầu nêu tại Điều 3 Quy chế này không được cơ quan quản lý xuất nhập cảnh của Việt Nam cho nhập cảnh hoặc bị rút ngắn thời hạn tạm trú tại Việt Nam.

Chương II

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 5. Khách Nhật Bản đã nhận thị thực từ ngày 31 tháng 12 năm 2003 trở về trước không được hoàn lại lệ phí thị thực.

Điều 6. Cục trưởng Cục Lãnh sự chịu trách nhiệm làm thủ tục thông báo cho Bộ Ngoại giao Nhật Bản về việc miễn thị thực cho khách Nhật Bản quy định tại Quy chế này cũng như việc Chính phủ Việt Nam có thể hủy bỏ việc thực hiện Quy chế này khi thấy cần thiết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao
Thứ trưởng

NGUYỄN PHÚ BÌNH

BỘ TÀI CHÍNH

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Tài chính số 192/2003/QĐ-BTC ngày 25/11/2003 về việc ban hành Danh mục hàng hóa và thuế suất thuế nhập khẩu để thực hiện lộ trình giảm thuế nhập khẩu theo Hiệp định Buôn bán hàng dệt, may ký giữa Việt Nam và Cộng đồng Châu Âu (EU) cho giai đoạn 2003 - 2005.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 26/12/1991 và các Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 05/7/1993; số 04/1998/QH10 ngày 20/5/1998;

Căn cứ Hiệp định Buôn bán hàng dệt, may giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng đồng Châu Âu ký ngày 15

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

tháng 12 năm 1992 và các thư trao đổi ký bổ sung Hiệp định này;

Căn cứ Thỏa thuận về sửa đổi Hiệp định Buôn bán hàng dệt, may ký tắt ngày 15/02/2003;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Tài chính;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 288/CP-QHQT ngày 17/3/2003 của Chính phủ và Công văn số 720/VPCP- QHQT ngày 15/11/2003 của Văn phòng Chính phủ về việc triển khai Thỏa thuận sửa đổi Hiệp định Buôn bán hàng dệt may với EU;

Theo đề nghị của Vụ Chính sách thuế; Vụ Quan hệ quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục hàng hóa và thuế suất thuế nhập khẩu của các mặt hàng dệt, may để thực hiện trong giai đoạn 2003 - 2005 đối với Hiệp định Buôn bán hàng dệt, may giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng đồng Châu Âu (EU) ký ngày 15 tháng 12 năm 1992 và các thư trao đổi ký bổ sung Hiệp định này.

Điều 2. Danh mục hàng hóa và thuế suất thuế nhập khẩu của từng mặt hàng nêu tại Điều 1 của Quyết định này chỉ áp dụng khi mặt hàng đó có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa của các nước Cộng đồng Châu Âu (EU).

Điều 3. Đối với những mặt hàng có mức thuế suất thuế nhập khẩu quy định trong Danh mục hàng hóa và thuế suất thuế nhập khẩu ban hành kèm theo Quyết định này cao hơn mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi (MFN) quy định trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi hiện hành thì mức thuế suất thuế nhập khẩu áp dụng cho những mặt hàng này là mức thuế suất ưu đãi (MFN).

Điều 4. Mức thuế suất thuế nhập khẩu quy định cho năm 2003 được áp dụng cho các Tờ khai hàng hóa nhập khẩu đã nộp cho cơ quan Hải quan kể từ ngày ký Quyết định này. Mức thuế suất thuế nhập khẩu quy định cho năm 2004 được áp dụng cho các Tờ khai hàng hóa nhập khẩu đã nộp cho cơ quan Hải quan từ ngày 01 tháng 01 năm 2004. Mức thuế suất thuế nhập khẩu quy định cho năm 2005, Bộ Tài chính sẽ công bố thời điểm áp dụng sau.

Điều 5. Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp chỉ đạo thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

TRƯƠNG CHÍ TRUNG

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

DANH MỤC HÀNG HÓA VÀ THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU ĐỂ THỰC HIỆN LỘ TRÌNH GIẢM THUẾ NHẬP KHẨU THEO HIỆP ĐỊNH HÀNG DỆT, MAY KÝ GIỮA VIỆT NAM VÀ CỘNG ĐỒNG CHÂU ÂU (EU) CHO GIAI ĐOẠN 2003 - 2005

(ban hành kèm theo Quyết định số 192/2003/QĐ-BTC ngày 25/11/2003).

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
5004	**00**	**00**	**Sợi tơ (trừ sợi tơ kéo từ phế liệu tơ cắt ngắn), chưa được đóng gói để bán lẻ**	12	10	7
5005	**00**	**00**	**Sợi tơ kéo từ phế liệu tơ cắt ngắn, chưa đóng gói để bán lẻ**	12	10	7
5006	**00**	**00**	**Sợi tơ và sợi tơ kéo từ phế liệu tơ cắt ngắn, đã đóng gói để bán lẻ; đoạn tơ lấy từ ruột của con tằm**	12	10	7
5007			**Vải dệt thoi dệt từ sợi tơ hoặc sợi kéo từ phế liệu tơ**			
5007	10		- Vải dệt thoi từ sợi kéo từ tơ vụn:			
5007	10	10	- - Đã hoặc chưa tẩy trắng	20	16	12
5007	10	90	- - Loại khác	20	16	12
5007	20		- Vải dệt thoi khác có tỷ trọng tơ hoặc phế liệu tơ từ 85% trở lên, trừ tơ vụn:			
5007	20	10	- - Đã hoặc chưa tẩy trắng	20	16	12
5007	20	90	- - Loại khác	20	16	12
5007	90		- Các loại vải khác:			
5007	90	10	- - Đã hoặc chưa tẩy trắng	20	16	12
5007	90	90	- - Loại khác	20	16	12
5104	**00**	**00**	**Lông cừu hoặc lông động vật loại mịn hoặc loại thô tái chế**	7	6	5
5105			**Lông cừu và lông động vật loại mịn hoặc loại thô đã chải thô hoặc chải kỹ (kể cả lông cừu chải kỹ, dạng từng đoạn)**			

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09639630

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
5105	10	00	- Lông cừu chải thô	7	6	5
			- Cúi (top) lông cừu và lông cừu chải kỹ khác:			
5105	21	00	- - Lông cừu chải kỹ dạng từng đoạn	7	6	5
5105	29	00	- - Loại khác	7	6	5
			- Lông động vật loại mịn, chải thô hoặc chải kỹ:			
5105	31	00	- - Của dê Ca-sơ-mia	7	6	5
5105	39	00	- - Loại khác	7	6	5
5105	40	00	- Lông động vật loại thô, chải thô hoặc chải kỹ	7	6	5
5106			**Sợi len lông cừu chải thô, chưa đóng gói để bán lẻ**			
5106	10	00	- Có tỷ trọng lông cừu từ 85% trở lên	12	10	7
5106	20	00	- Có tỷ trọng lông cừu dưới 85%	12	10	7
5107			**Sợi len lông cừu chải kỹ, chưa đóng gói để bán lẻ**			
5107	10	00	- Có tỷ trọng lông cừu từ 85% trở lên	12	10	7
5107	20	00	- Có tỷ trọng lông cừu dưới 85%	12	10	7
5108			**Sợi lông động vật loại mịn (chải thô hoặc chải kỹ), chưa đóng gói để bán lẻ**			
5108	10	00	- Chải thô	12	10	7
5108	20	00	- Chải kỹ	12	10	7
5109			**Sợi len lông cừu hoặc lông động vật loại mịn, đã đóng gói để bán lẻ**			
5109	10	00	- Có tỷ trọng lông cừu hoặc lông động vật loại mịn từ 85% trở lên	12	10	7
5109	90	00	- Loại khác	12	10	7
5110	**00**	**00**	**Sợi làm từ lông động vật loại thô hoặc từ lông đuôi hoặc bờm ngựa (kể cả sợi quấn bọc từ lông đuôi hoặc bờm ngựa), đã hoặc chưa đóng gói để bán lẻ**	12	10	7

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09639630

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
5111			**Vải dệt thoi từ sợi len lông cừu chải thô hoặc từ sợi lông động vật loại mịn chải thô**			
			- Có tỷ trọng lông cừu hoặc lông động vật loại mịn từ 85% trở lên:			
5111	11		- - Trọng lượng không quá 300 g/m^2:			
5111	11	10	- - - Loại chưa tẩy trắng	20	16	12
5111	11	90	- - - Loại khác	20	16	12
5111	19		- - Loại khác:			
5111	19	10	- - - Loại chưa tẩy trắng	20	16	12
5111	19	90	- - - Loại khác	20	16	12
5111	20		- Loại khác, pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với sợi filament nhân tạo:			
5111	20	10	- - Loại chưa tẩy trắng	20	16	12
5111	20	90	- - Loại khác	20	16	12
5111	30		- Loại khác, pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với xơ staple nhân tạo:			
5111	30	10	- - Loại chưa tẩy trắng	20	16	12
5111	30	90	- - Loại khác	20	16	12
5111	90		- Loại khác:			
5111	90	10	- - Loại chưa tẩy trắng	20	16	12
5111	90	90	- - Loại khác	20	16	12
5112			**Vải dệt thoi từ sợi len lông cừu chải kỹ hoặc sợi từ lông động vật loại mịn chải kỹ**			
			- Có tỷ trọng lông cừu hoặc lông động vật loại mịn từ 85% trở lên:			
5112	11		- - Trọng lượng không quá 200 g/m^2:			
5112	11	10	- - - Loại chưa tẩy trắng	20	16	12
5112	11	90	- - - Loại khác	20	16	12
5112	19		- - Loại khác:			
5112	19	10	- - - Loại chưa tẩy trắng	20	16	12
5112	19	90	- - - Loại khác	20	16	12
5112	20		- Loại khác, pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với sợi filament nhân tạo:			
5112	20	10	- - Loại chưa tẩy trắng	20	16	12

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
5112	20	90	- - Loại khác	20	16	12
5112	30		- Loại khác, pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với xơ staple nhân tạo:			
5112	30	10	- - Loại chưa tẩy trắng	20	16	12
5112	30	90	- - Loại khác	20	16	12
5112	90		- Loại khác:			
5112	90	10	- - Loại chưa tẩy trắng	20	16	12
5112	90	90	- - Loại khác	20	16	12
5113	**00**	**00**	**Vải dệt thoi từ sợi lông động vật loại thô hoặc sợi lông đuôi hoặc bờm ngựa**	20	16	12
5204			**Chỉ khâu làm từ bông, đã hoặc chưa đóng gói để bán lẻ**			
			- Chưa đóng gói để bán lẻ:			
5204	11	00	- - Có tỷ trọng bông từ 85% trở lên	12	10	7
5204	19	00	- - Loại khác	12	10	7
5204	20	00	- Đã đóng gói để bán lẻ	12	10	7
5205			**Sợi bông, (trừ chỉ khâu), có tỷ trọng bông từ 85% trở lên, chưa đóng gói để bán lẻ**			
			- Sợi đơn, làm từ xơ không chải kỹ:			
5205	11	00	- - Sợi có độ mảnh từ 714,29 decitex trở lên (chi số mét không quá 14)	12	10	7
5205	12	00	- - Sợi có độ mảnh từ 232,56 decitex đến dưới 714,29 decitex (chi số mét từ trên 14 đến 43)	12	10	7
5205	13	00	- - Sợi có độ mảnh từ 192,31 decitex đến dưới 232,56 decitex (chi số mét trên 43 đến 52)	12	10	7
5205	14	00	- - Sợi có độ mảnh từ 125 decitex đến dưới 192,31 decitex (chi số mét trên 52 đến 80)	12	10	7
5205	15	00	- - Sợi có độ mảnh dưới 125 decitex (chi số mét trên 80)	12	10	7
			- Sợi đơn, làm từ xơ chải kỹ:			
5205	21	00	- - Sợi có độ mảnh từ 714,29 decitex trở lên (chi số mét không quá 14)	12	10	7

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
5205	22	00	- - Sợi có độ mảnh từ 232,56 decitex đến dưới 714,29 decitex (chi số mét trên 14 đến 43)	12	10	7
5205	23	00	- - Sợi có độ mảnh từ 192,31 decitex đến dưới 232,56 decitex (chi số mét trên 43 đến 52)	12	10	7
5205	24	00	- - Sợi có độ mảnh từ 125 decitex đến dưới 192,31 decitex (chi số mét trên 52 đến 80)	12	10	7
5205	26	00	- - Sợi có độ mảnh từ 106,38 decitex đến dưới 125 dexitex (chi số mét trên 80 đến 94)	12	10	7
5205	27	00	- - Sợi có độ mảnh từ 83,33 decitex đến dưới 106,38 dexitex (chi số mét trên 94 đến 120)	12	10	7
5205	28	00	- - Sợi có độ mảnh dưới 83,33 decitex (chi số mét trên 120)	12	10	7
			- Sợi xe hoặc sợi cáp, làm từ xơ không chải kỹ:			
5205	31	00	- - Từ mỗi sợi đơn có độ mảnh từ 714,29 decitex trở lên (chi số mét sợi đơn không quá 14)	12	10	7
5205	32	00	- - Từ mỗi sợi đơn có độ mảnh từ 232,56 decitex đến dưới 714,29 decitex (chi số mét sợi đơn trên 14 đến 43)	12	10	7
5205	33	00	- - Từ mỗi sợi đơn có độ mảnh từ 192,31 decitex đến dưới 232,56 decitex (chi số mét sợi đơn trên 43 đến 52)	12	10	7
5205	34	00	- - Từ mỗi sợi đơn có độ mảnh từ 125 decitex đến dưới 192,31 decitex (chi số mét sợi đơn trên 52 đến 80)	12	10	7
5205	35	00	- - Từ mỗi sợi đơn có độ mảnh dưới 125 decitex (chi số mét sợi đơn trên 80)	12	10	7
			- Sợi xe hoặc sợi cáp, từ xơ chải kỹ:			
5205	41	00	- - Từ mỗi sợi đơn có độ mảnh từ 714,29 decitex trở lên (chi số mét sợi đơn không quá 14)	12	10	7
5205	42	00	- - Từ mỗi sợi đơn có độ mảnh từ 232,56 decitex đến dưới 714,29 decitex (chi số mét sợi đơn trên 14 đến 43)	12	10	7
5205	43	00	- - Từ mỗi sợi đơn có độ mảnh từ 192,31 decitex đến dưới 232,56 decitex (chi số mét sợi đơn trên 43 đến 52)	12	10	7

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09639630

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
5205	44	00	- - Từ mỗi sợi đơn có độ mảnh từ 125 decitex đến dưới 192,31 decitex (chi số mét sợi đơn trên 52 đến 80)	12	10	7
5205	46	00	- - Từ mỗi sợi đơn có độ mảnh từ 106,38 decitex đến dưới 125 decitex (chi số mét sợi đơn trên 80 đến 94)	12	10	7
5205	47	00	- - Từ mỗi sợi đơn có độ mảnh từ 83,33 decitex đến dưới 106,38 dexitex (chi số mét sợi đơn trên 94 đến 120)	12	10	7
5205	48	00	- - Từ mỗi sợi đơn có độ mảnh dưới 83,33 decitex (chi số mét sợi đơn trên 120)	12	10	7
5206			**Sợi bông (trừ chỉ khâu) có tỷ trọng bông dưới 85%, chưa đóng gói để bán lẻ**			
			- Sợi đơn, làm từ xơ không chải kỹ:			
5206	11	00	- - Sợi có độ mảnh từ 714,29 decitex trở lên (chi số mét không quá 14)	12	10	7
5206	12	00	- - Sợi có độ mảnh từ 232,56 decitex đến dưới 714,29 decitex (chi số mét trên 14 đến 43)	12	10	7
5206	13	00	- - Sợi có độ mảnh từ 192,31 decitex đến dưới 232,56 decitex (chi số mét trên 43 đến 52)	12	10	7
5206	14	00	- - Sợi có độ mảnh từ 125 decitex đến dưới 192,31 decitex (chi số mét trên 52 đến 80)	12	10	7
5206	15	00	- - Sợi có độ mảnh dưới 125 decitex (chi số mét trên 80)	12	10	7
			- Sợi đơn, làm từ xơ đã chải kỹ:			
5206	21	00	- - Sợi có độ mảnh từ 714,29 decitex trở lên (chi số mét không quá 14)	12	10	7
5206	22	00	- - Sợi có độ mảnh từ 232,56 decitex đến dưới 714,29 decitex (chi số mét trên 14 đến 43)	12	10	7
5206	23	00	- - Sợi có độ mảnh từ 192,31 decitex đến dưới 232,56 decitex (chi số mét trên 43 đến 52)	12	10	7
5206	24	00	- - Sợi có độ mảnh từ 125 decitex đến dưới 192,31 decitex (chi số mét trên 52 đến 80)	12	10	7

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09639630

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
5206	25	00	- - Sợi có độ mảnh dưới 125 decitex (chi số mét trên 80)	12	10	7
			- Sợi xe hoặc sợi cáp, làm từ xơ không chải kỹ:			
5206	31	00	- - Từ mỗi sợi đơn có độ mảnh từ 714,29 decitex trở lên (chi số mét sợi đơn không quá 14)	12	10	7
5206	32	00	- - Từ mỗi sợi đơn có độ mảnh từ 232,56 decitex đến dưới 714,29 decitex (chi số mét sợi đơn trên 14 đến 43)	12	10	7
5206	33	00	- - Từ mỗi sợi đơn có độ mảnh từ 192,31 decitex đến dưới 232,56 decitex (chi số mét sợi đơn trên 43 đến 52)	12	10	7
5206	34	00	- - Từ mỗi sợi đơn có độ mảnh từ 125 decitex đến dưới 192,31 decitex (chi số mét sợi đơn trên 52 đến 80)	12	10	7
5206	35	00	- - Từ mỗi sợi đơn có độ mảnh dưới 125 decitex (chi số mét sợi đơn trên 80)	12	10	7
			- Sợi xe hoặc sợi cáp, từ xơ chải kỹ:			
5206	41	00	- - Từ mỗi sợi đơn có độ mảnh từ 714,29 decitex trở lên (chi số mét sợi đơn không quá 14)	12	10	7
5206	42	00	- - Từ mỗi sợi đơn có độ mảnh từ 232,56 decitex đến dưới 714,29 decitex (chi số mét sợi đơn trên 14 đến 43)	12	10	7
5206	43	00	- - Từ mỗi sợi đơn có độ mảnh từ 192,31 decitex đến dưới 232,56 decitex (chi số mét sợi đơn trên 43 đến 52)	12	10	7
5206	44	00	- - Từ mỗi sợi đơn có độ mảnh từ 125 decitex đến dưới 192,31 decitex (chi số mét sợi đơn trên 52 đến 80)	12	10	7
5206	45	00	- - Từ mỗi sợi đơn có độ mảnh dưới 125 decitex (chi số mét sợi đơn trên 80)	12	10	7
5207			**Sợi bông (trừ chỉ khâu), đã đóng gói để bán lẻ**			
5207	10	00	- Có tỷ trọng bông từ 85% trở lên	12	10	7
5207	90	00	- Loại khác	12	10	7

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
5208			**Vải dệt thoi từ sợi bông, có tỷ trọng bông từ 85% trở lên, trọng lượng không quá 200 g/m²**			
			- Chưa tẩy trắng:			
5208	11	00	- - Vải vân điểm, trọng lượng không quá 100 g/m²	20	16	12
5208	12	00	- - Vải vân điểm, trọng lượng trên 100 g/m²	20	16	12
5208	13	00	- - Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân	20	16	12
5208	19	00	- - Vải dệt khác	20	16	12
			- Đã tẩy trắng:			
5208	21		- - Vải vân điểm, trọng lượng không quá 100 g/m²:			
5208	21	10	- - - Vải hút thấm dùng cho phẫu thuật	20	16	12
5208	21	90	- - - Loại khác	20	16	12
5208	22	00	- - Vải vân điểm, trọng lượng trên 100 g/m²	20	16	12
5208	23	00	- - Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân	20	16	12
5208	29	00	- - Vải dệt khác	20	16	12
			- Đã nhuộm:			
5208	31	00	- - Vải vân điểm, trọng lượng không quá 100 g/m²	20	16	12
5208	32	00	- - Vải vân điểm, trọng lượng trên 100 g/m²	20	16	12
5208	33	00	- - Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân	20	16	12
5208	39	00	- - Vải dệt khác	20	16	12
			- Từ các sợi có các mầu khác nhau:			
5208	41	00	- - Vải vân điểm, trọng lượng không quá 100 g/m²	20	16	12
5208	42	00	- - Vải vân điểm, trọng lượng trên 100 g/m²	20	16	12
5208	43	00	- - Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân	20	16	12
5208	49	00	- - Vải dệt khác	20	16	12
			- Đã in:			
5208	51	00	- - Vải vân điểm, trọng lượng không quá 100 g/m²	20	16	12
5208	52	00	- - Vải vân điểm, trọng lượng trên 100 g/m²	20	16	12
5208	53	00	- - Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân	20	16	12
5208	59	00	- - Vải dệt khác	20	16	12

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
5209			**Vải dệt thoi từ sợi bông, có tỷ trọng bông từ 85% trở lên, trọng lượng trên 200 g/m²**			
			- Chưa tẩy trắng:			
5209	11	00	- - Vải vân điểm	20	16	12
5209	12	00	- - Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân	20	16	12
5209	19	00	- - Vải dệt khác	20	16	12
			- Đã tẩy trắng:			
5209	21	00	- - Vải vân điểm	20	16	12
5209	22	00	- - Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân	20	16	12
5209	29	00	- - Vải dệt khác	20	16	12
			- Đã nhuộm:			
5209	31	00	- - Vải vân điểm	20	16	12
5209	32	00	- - Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân	20	16	12
5209	39	00	- - Vải dệt khác	20	16	12
			- Từ các sợi có các mầu khác nhau:			
5209	41	00	- - Vải vân điểm	20	16	12
5209	42	00	- - Vải denim	20	16	12
5209	43	00	- - Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi loại khác, kể cả vải vân chéo chữ nhân	20	16	12
5209	49	00	- - Vải dệt khác	20	16	12
			- Đã in:			
5209	51	00	- - Vải vân điểm	20	16	12
5209	52	00	- - Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân	20	16	12
5209	59	00	- - Vải dệt khác	20	16	12
5210			**Vải dệt thoi từ sợi bông, có tỷ trọng bông dưới 85% pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với xơ sợi nhân tạo, có trọng lượng không quá 200 g/m²**			
			- Chưa tẩy trắng:			

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
5210	11	00	- - Vải vân điểm	20	16	12
5210	12	00	- - Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân	20	16	12
5210	19	00	- - Vải dệt khác	20	16	12
			- Đã tẩy trắng:			
5210	21	00	- - Vải vân điểm	20	16	12
5210	22	00	- - Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân	20	16	12
5210	29	00	- - Vải dệt khác	20	16	12
			- Đã nhuộm:			
5210	31	00	- - Vải vân điểm	20	16	12
5210	32	00	- - Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân	20	16	12
5210	39	00	- - Vải dệt khác	20	16	12
			- Từ các sợi có các mầu khác nhau:			
5210	41	00	- - Vải vân điểm	20	16	12
5210	42	00	- - Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân	20	16	12
5210	49	00	- - Vải dệt khác	20	16	12
			- Đã in:			
5210	51	00	- - Vải vân điểm	20	16	12
5210	52	00	- - Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân	20	16	12
5210	59	00	- - Vải dệt khác	20	16	12
5211			**Vải dệt thoi từ sợi bông, có tỷ trọng bông dưới 85% pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với xơ sợi nhân tạo, có trọng lượng trên 200 g/m²**			
			- Chưa tẩy trắng:			
5211	11	00	- - Vải vân điểm	20	16	12
5211	12	00	- - Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân	20	16	12
5211	19	00	- - Vải dệt khác	20	16	12
			- Đã tẩy trắng:			
5211	21	00	- - Vải vân điểm	20	16	12

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
5211	22	00	- - Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vân chéo chữ nhân	20	16	12
5211	29	00	- - Vải dệt khác	20	16	12
			- Đã nhuộm:			
5211	31	00	- - Vải vân điểm	20	16	12
5211	32	00	- - Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vân chéo chữ nhân	20	16	12
5211	39	00	- - Vải dệt khác	20	16	12
			- Từ các sợi có các mầu khác nhau:			
5211	41		- - Vải vân điểm:			
5211	41	10	- - - Vải ikat	20	16	12
5211	41	90	- - - Loại khác	20	16	12
5211	42	00	- - Vải denim	20	16	12
5211	43	00	- - Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân	20	16	12
5211	49	00	- - Vải dệt khác	20	16	12
			- Đã in:			
5211	51	00	- - Vải vân điểm	20	16	12
5211	52	00	- - Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân	20	16	12
5211	59	00	- - Vải dệt khác	20	16	12
5212			**Vải dệt thoi khác từ sợi bông**			
			- Trọng lượng không quá 200 g/m^2:			
5212	11	00	- - Chưa tẩy trắng	20	16	12
5212	12	00	- - Đã tẩy trắng	20	16	12
5212	13	00	- - Đã nhuộm	20	16	12
5212	14	00	- - Từ các sợi có các mầu khác nhau	20	16	12
5212	15	00	- - Đã in	20	16	12
			- Trọng lượng trên 200 g/m^2:			
5212	21	00	- - Chưa tẩy trắng	20	16	12
5212	22	00	- - Đã tẩy trắng	20	16	12
5212	23	00	- - Đã nhuộm	20	16	12
5212	24	00	- - Từ các sợi có các mầu khác nhau	20	16	12
5212	25	00	- - Đã in	20	16	12

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
5303			**Đay và các loại xơ libe dệt khác (trừ lanh, gai dầu và gai ramie) dạng nguyên liệu thô hoặc đã chế biến nhưng chưa kéo thành sợi; xơ dạng ngắn và phế liệu của các loại xơ này (kể cả phế liệu sợi và sợi tái chế)**			
5303	10	00	- Đay và các loại xơ libe dệt khác, dạng nguyên liệu thô hoặc đã ngâm	7	6	5
5303	90	00	- Loại khác	7	6	5
5304			**Xơ sisal (xizan) và xơ dệt khác từ các cây thuộc chi cây thùa (Agave), dạng nguyên liệu thô hoặc đã chế biến, nhưng chưa kéo thành sợi; xơ dạng ngắn và phế liệu của các loại xơ này (kể cả phế liệu sợi và sợi tái chế)**			
5304	10	00	- Xơ sisal (xizan) và xơ dệt khác từ các cây thuộc chi cây thùa, dạng nguyên liệu thô	7	6	5
5304	90	00	- Loại khác	7	6	5
5305			**Xơ dừa, xơ chuối (loại xơ gai manila hoặc Musa textilis Nee), xơ gai ramie và xơ dệt gốc thực vật khác chưa được ghi hay chi tiết ở nơi khác, thô hoặc đã chế biến nhưng chưa kéo thành sợi; xơ dạng ngắn, xơ vụn và phế liệu của các loại xơ này (kể cả phế liệu sợi và sợi tái chế)**			
			- Từ dừa (xơ dừa):			
5305	11	00	- - Nguyên liệu thô	7	6	5
5305	19	00	- - Loại khác	7	6	5
			- Từ xơ chuối:			
5305	21	00	- - Nguyên liệu thô	7	6	5
5305	29	00	- - Loại khác	7	6	5
5305	90	00	- Loại khác	7	6	5
5306			**Sợi lanh**			

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
5306	10	00	- Sợi đơn	12	10	7
5306	20	00	- Sợi xe hoặc sợi cáp	12	10	7
5307			**Sợi đay hoặc sợi từ các loại xơ libe dệt khác thuộc nhóm 53.03**			
5307	10	00	- Sợi đơn	12	10	7
5307	20	00	- Sợi xe hoặc sợi cáp	12	10	7
5308			**Sợi từ các loại xơ dệt gốc thực vật khác; sợi giấy**			
5308	10	00	- Từ xơ dừa	12	10	7
5308	20	00	- Từ xơ gai dầu	12	10	7
5308	90	00	- Loại khác	12	10	7
5309			**Vải dệt thoi từ sợi lanh**			
			- Có tỷ trọng lanh từ 85% trở lên:			
5309	11	00	- - Chưa hoặc đã tẩy trắng	20	16	12
5309	19	00	- - Loại khác	20	16	12
			- Có tỷ trọng lanh dưới 85%:			
5309	21	00	- - Chưa hoặc đã tẩy trắng	20	16	12
5309	29	00	- - Loại khác	20	16	12
5310			**Vải dệt thoi từ sợi đay hoặc từ các loại xơ libe dệt khác thuộc nhóm 53.03**			
5310	10	00	- Chưa tẩy trắng	20	16	12
5310	90	00	- Loại khác	20	16	12
5311	**00**	**00**	**Vải dệt thoi từ các loại sợi dệt gốc thực vật khác; vải dệt thoi từ sợi giấy**	20	16	12
5401			**Chỉ khâu làm từ sợi filament nhân tạo, đã hoặc chưa đóng gói để bán lẻ**			
5401	10	00	- Từ sợi filament tổng hợp (synthetic)	12	10	7
5401	20		- Từ sợi filament tái tạo (artificial):			
5401	20	10	- - Đã đóng gói để bán lẻ	12	10	7
5401	20	20	- - Chưa đóng gói để bán lẻ	12	10	7

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09639630

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
5402			**Sợi filament tổng hợp (trừ chỉ khâu), chưa đóng gói để bán lẻ, kể cả sợi monofilament tổng hợp có độ mảnh dưới 67 decitex**			
5402	10	00	- Sợi có độ bền cao làm từ nylon hoặc các polyamit khác	12	10	7
5402	20	00	- Sợi có độ bền cao làm từ các polyeste	12	10	7
			- Sợi dún:			
5402	31	00	- - Từ nylon hoặc các polyamit khác, độ mảnh mỗi sợi đơn không quá 50 tex	12	10	7
5402	32	00	- - Từ nylon hoặc các polyamit khác, độ mảnh mỗi sợi đơn trên 50 tex	12	10	7
5402	33	00	- - Từ các polyeste	12	10	7
5402	39	00	- - Loại khác	12	10	7
			- Sợi khác, đơn, không xoắn hoặc xoắn không quá 50 vòng xoắn trên mét:			
5402	41	00	- - Từ nylon hoặc các polyamit khác	12	10	7
5402	42	00	- - Từ các polyeste được định hướng một phần	12	10	7
5402	43	00	- - Từ các polyeste loại khác	12	10	7
5402	49	00	- - Loại khác	12	10	7
			- Sợi khác, đơn, xoắn trên 50 vòng xoắn trên mét:			
5402	51	00	- - Từ nylon hoặc các polyamit khác	12	10	7
5402	52	00	- - Từ các polyeste	12	10	7
5402	59	00	- - Loại khác	12	10	7
			- Sợi xe hoặc sợi cáp khác:			
5402	61	00	- - Từ nylon hoặc các polyamit khác	12	10	7
5402	62	00	- - Từ các polyeste	12	10	7
5402	69	00	- - Loại khác	12	10	7
5403			**Sợi filament tái tạo (trừ chỉ khâu) chưa đóng gói để bán lẻ, kể cả sợi monofilament tái tạo có độ mảnh dưới 67 decitex**			
5403	10	00	- Sợi có độ bền cao từ viscose rayon	12	10	7
5403	20	00	- Sợi dún	12	10	7
			- Sợi khác, đơn:			

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
5403	31	00	- - Từ viscose rayon không xoắn hoặc xoắn không quá 120 vòng xoắn trên mét	12	10	7
5403	32	00	- - Từ viscose rayon, xoắn trên 120 vòng xoắn trên mét	12	10	7
5403	33	00	- - Từ xenlulo axetat	12	10	7
5403	39	00	- - Loại khác	12	10	7
			- Sợi xe hoặc sợi cáp khác:			
5403	41	00	- - Từ viscose rayon	12	10	7
5403	42	00	- - Từ xenlulo axetat	12	10	7
5403	49	00	- - Loại khác	12	10	7
5404			**Sợi monofilament tổng hợp có độ mảnh từ 67 decitex trở lên, kích thước mặt cắt ngang không quá 1 mm; sợi dạng dải và các dạng tương tự (ví dụ: sợi giả rơm) từ nguyên liệu dệt tổng hợp có chiều rộng bề mặt không quá 5 mm**			
5404	10	00	- Sợi monofilament	12	10	7
5404	90	00	- Loại khác	12	10	7
5405	**00**	**00**	**Sợi momofilament tái tạo có độ mảnh từ 67 decitex trở lên, kích thước mặt cắt ngang không quá 1 mm; sợi dạng dải và dạng tương tự (ví dụ: sợi giả rơm) từ nguyên liệu dệt tái tạo có chiều rộng bề mặt không quá 5 mm**	12	10	7
5406			**Sợi filament nhân tạo (trừ chỉ khâu) đã đóng gói để bán lẻ**			
5406	10	00	- Sợi filament tổng hợp	12	10	7
5406	20	00	- Sợi filament tái tạo	12	10	7
5407			**Vải dệt thoi bằng sợi filament tổng hợp, kể cả vải dệt thoi từ các loại sợi thuộc nhóm 54.04.**			
5407	10		- Vải dệt thoi từ sợi có độ bền cao bằng nylon hoặc các polyamit hoặc các polyeste khác:			

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com
09639630

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
			- - Chưa tẩy trắng:			
5407	10	11	- - - Vải mành lốp dệt thoi và vải băng tải	20	16	12
5407	10	19	- - - Loại khác	20	16	12
			- - Loại khác:			
5407	10	91	- - - Vải mành lốp dệt thoi và vải băng tải	20	16	12
5407	10	99	- - - Loại khác	20	16	12
5407	20		- Vải dệt thoi từ sợi dạng dải hoặc dạng tương tự:			
5407	20	10	- - Chưa tẩy trắng	20	16	12
5407	20	90	- - Loại khác	20	16	12
5407	30	00	- Vải dệt thoi đã được nêu ở chú giải 9 phần XI	20	16	12
			- Vải dệt thoi khác có tỷ trọng sợi filament nylon hay các polyamit khác từ 85% trở lên:			
5407	41		- - Chưa hoặc đã tẩy trắng:			
5407	41	10	- - - Vải lưới nylon dệt thoi từ sợi filament không xoắn thích hợp để sử dụng như vật liệu gia cố cho vải không thấm nước	20	16	12
5407	41	90	- - - Loại khác	20	16	12
5407	42	00	- - Đã nhuộm	20	16	12
5407	43	00	- - Từ các sợi có các mầu khác nhau	20	16	12
5407	44	00	- - Đã in	20	16	12
			- Vải dệt thoi khác có tỷ trọng sợi filament polyeste dún từ 85% trở lên:			
5407	51		- - Chưa hoặc đã tẩy trắng:			
5407	51	10	- - - Chưa tẩy trắng	20	16	12
5407	51	90	- - - Loại khác	20	16	12
5407	52	00	- - Đã nhuộm	20	16	12
5407	53	00	- - Từ các sợi có các mầu khác nhau	20	16	12
5407	54	00	- - Đã in	20	16	12
			- Vải dệt thoi khác, có tỷ trọng sợi filament polyeste từ 85% trở lên:			
5407	61	00	- - Có tỷ trọng sợi filament polyeste không dún từ 85% trở lên	20	16	12
5407	69	00	- - Loại khác	20	16	12
			- Vải dệt thoi khác có tỷ trọng sợi filament tổng hợp từ 85% trở lên:			

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
5407	71		- - Chưa hoặc đã tẩy trắng:			
5407	71	10	- - - Chưa tẩy trắng	20	16	12
5407	71	90	- - - Loại khác	20	16	12
5407	72	00	- - Đã nhuộm	20	16	12
5407	73	00	- - Từ sợi có các mầu khác nhau	20	16	12
5407	74	00	- - Đã in	20	16	12
			- Vải dệt thoi khác có tỷ trọng sợi filament tổng hợp dưới 85% được pha chủ yếu hay pha duy nhất với bông:			
5407	81		- - Chưa hoặc đã tẩy trắng:			
5407	81	10	- - - Chưa tẩy trắng	20	16	12
5407	81	90	- - - Loại khác	20	16	12
5407	82	00	- - Đã nhuộm	20	16	12
5407	83	00	- - Từ các sợi có các mầu khác nhau	20	16	12
5407	84	00	- - Đã in	20	16	12
			- Vải dệt thoi khác:			
5407	91		- - Chưa hoặc đã tẩy trắng:			
5407	91	10	- - - Chưa tẩy trắng	20	16	12
5407	91	90	- - - Loại khác	20	16	12
5407	92	00	- - Đã nhuộm	20	16	12
5407	93	00	- - Từ các sợi có các mầu khác nhau	20	16	12
5407	94	00	- - Đã in	20	16	12
5408			**Vải dệt thoi bằng sợi filament tái tạo, kể cả vải dệt thoi từ các loại nguyên liệu thuộc nhóm 54.05**			
5408	10		- Vải dệt thoi bằng sợi có độ bền cao từ viscose rayon:			
5408	10	10	- - Chưa tẩy trắng	20	16	12
5408	10	90	- - Loại khác	20	16	12
			- Vải dệt thoi khác có tỷ trọng sợi filament tái tạo hoặc sợi dạng dải hay dạng tương tự từ 85% trở lên:			
5408	21		- - Chưa hoặc đã tẩy trắng:			
5408	21	10	- - - Chưa tẩy trắng	20	16	12

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
5408	21	90	- - - Loại khác	20	16	12
5408	22	00	- - Đã nhuộm	20	16	12
5408	23	00	- - Từ các sợi có các mầu khác nhau	20	16	12
5408	24	00	- - Đã in	20	16	12
			- Vải dệt thoi khác:			
5408	31		- - Chưa hoặc đã tẩy trắng:			
5408	31	10	- - - Chưa tẩy trắng	20	16	12
5408	31	90	- - - Loại khác	20	16	12
5408	32	00	- - Đã nhuộm	20	16	12
5408	33	00	- - Từ các sợi có các mầu khác nhau	20	16	12
5408	34	00	- - Đã in	20	16	12
5501			**Tô (tow) filament tổng hợp**			
5501	10	00	- Từ nylon hay từ polyamit khác	7	6	5
5501	20	00	- Từ các polyeste	7	6	5
5501	30	00	- Từ acrylic hoặc modacrylic	7	6	5
5501	90	00	- Loại khác	7	6	5
5502	**00**	**00**	**Tô (tow) filament tái tạo**	7	6	5
5503			**Xơ staple tổng hợp chưa chải thô, chưa chải kỹ hoặc chưa gia công cách khác để kéo sợi**			
5503	10	00	- Từ nylon hay từ các polyamit khác	7	6	5
5503	20	00	- Từ các polyeste	7	6	5
5503	30	00	- Từ acrylic hoặc modacrylic	7	6	5
5503	40	00	- Từ polypropylene	7	6	5
5503	90	00	- Loại khác	7	6	5
5504			**Xơ staple tái tạo chưa chải thô, chưa chải kỹ hoặc chưa gia công cách khác để kéo sợi**			
5504	10	00	- Từ viscose rayon	7	6	5
5504	90		- Loại khác:			
5504	90	10	- - Từ xenlulo axetat	7	6	5
5504	90	90	- - Loại khác	7	6	5

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
5505			**Phế liệu (kể cả phế liệu xơ, phế liệu sợi và nguyên liệu tái chế) từ xơ nhân tạo**			
5505	10	00	- Từ xơ tổng hợp	7	6	5
5505	20	00	- Từ xơ tái tạo	7	6	5
5506			**Xơ staple tổng hợp, đã chải thô, chải kỹ hoặc gia công cách khác để kéo sợi**			
5506	10	00	- Từ nylon hay từ các polyamit khác	7	6	5
5506	20	00	- Từ các polyeste	7	6	5
5506	30	00	- Từ acrylic hoặc modacrylic	7	6	5
5506	90	00	- Loại khác	7	6	5
5507	**00**	**00**	**Xơ staple tái tạo, đã chải thô, chải kỹ hoặc gia công cách khác để kéo sợi**	7	6	5
5508			**Chỉ khâu làm từ xơ staple nhân tạo hoặc tổng hợp, đã hoặc chưa đóng gói để bán lẻ**			
5508	10	00	- Từ xơ staple tổng hợp	12	10	7
5508	20	00	- Từ xơ staple tái tạo	12	10	7
5509			**Sợi (trừ chỉ khâu) từ xơ staple tổng hợp, chưa đóng gói để bán lẻ**			
			- Có tỷ trọng xơ staple nylon hay polyamit khác từ 85% trở lên:			
5509	11	00	- - Sợi đơn	12	10	7
5509	12	00	- - Sợi xe hoặc sợi cáp	12	10	7
			- Có tỷ trọng xơ staple polyeste từ 85% trở lên:			
5509	21	00	- - Sợi đơn	12	10	7
5509	22	00	- - Sợi xe hoặc sợi cáp	12	10	7
			- Có tỷ trọng xơ staple acrylic hay modacrylic từ 85% trở lên:			
5509	31	00	- - Sợi đơn	12	10	7
5509	32	00	- - Sợi xe hoặc sợi cáp	12	10	7
			- Sợi khác, có tỷ trọng xơ staple tổng hợp từ 85% trở lên:			

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09639630

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
5509	41	00	- - Sợi đơn	12	10	7
5509	42	00	- - Sợi xe hoặc sợi cáp	12	10	7
			- Sợi khác, từ xơ staple polyeste:			
5509	51		- - Được pha chủ yếu hay pha duy nhất với xơ staple tái tạo:			
5509	51	10	- - - Sợi đơn	12	10	7
5509	51	90	- - - Loại khác	12	10	7
5509	52		- - Được pha chủ yếu hay pha duy nhất với lông cừu hay lông động vật loại mịn:			
5509	52	10	- - - Sợi đơn	12	10	7
5509	52	90	- - - Loại khác	12	10	7
5509	53		- - Được pha chủ yếu hay pha duy nhất với bông:			
5509	53	10	- - - Sợi đơn	12	10	7
5509	53	90	- - - Loại khác	12	10	7
5509	59		- - Loại khác:			
5509	59	10	- - - Sợi đơn	12	10	7
5509	59	90	- - - Loại khác	12	10	7
			- Sợi khác, từ xơ staple acrylic hoặc modacrylic:			
5509	61		- - Được pha chủ yếu hay pha duy nhất với lông cừu hay lông động vật loại mịn:			
5509	61	10	- - - Sợi đơn	12	10	7
5509	61	90	- - - Loại khác	12	10	7
5509	62		- - Được pha chủ yếu hay pha duy nhất với bông:			
5509	62	10	- - - Sợi đơn	12	10	7
5509	62	90	- - - Loại khác	12	10	7
5509	69		- - Loại khác:			
5509	69	10	- - - Sợi đơn	12	10	7
5509	69	90	- - - Loại khác	12	10	7
			- Sợi khác:			
5509	91		- - Được pha chủ yếu hay pha duy nhất với lông cừu hay lông động vật loại mịn:			
5509	91	10	- - - Sợi đơn	12	10	7
5509	91	90	- - - Loại khác	12	10	7
5509	92		- - Được pha chủ yếu hay pha duy nhất với bông:			
5509	92	10	- - - Sợi đơn	12	10	7

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
5509	92	90	- - - Loại khác	12	10	7
5509	99		- - Loại khác:			
5509	99	10	- - - Sợi đơn	12	10	7
5509	99	90	- - - Loại khác	12	10	7
5510			**Sợi (trừ chỉ khâu) từ xơ staple tái tạo, chưa đóng gói để bán lẻ**			
			- Có tỷ trọng xơ staple tái tạo từ 85% trở lên:			
5510	11	00	- - Sợi đơn	12	10	7
5510	12	00	- - Sợi xe hoặc sợi cáp	12	10	7
5510	20	00	- Sợi khác, được pha chủ yếu hay pha duy nhất với lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	12	10	7
5510	30	00	- Sợi khác, được pha chủ yếu hay pha duy nhất với bông	12	10	7
5510	90	00	- Sợi khác	12	10	7
5511			**Sợi (trừ chỉ khâu) từ xơ staple nhân tạo, đã đóng gói để bán lẻ**			
5511	10	00	- Từ xơ staple tổng hợp, có tỷ trọng loại xơ này từ 85% trở lên	12	10	7
5511	20	00	- Từ xơ staple tổng hợp, có tỷ trọng loại xơ này dưới 85%	12	10	7
5511	30	00	- Từ xơ staple tái tạo	12	10	7
5512			**Các loại vải dệt thoi từ xơ staple tổng hợp, có tỷ trọng loại xơ này từ 85% trở lên**			
			- Có tỷ trọng loại xơ staple polyeste từ 85% trở lên:			
5512	11	00	- - Chưa hoặc đã tẩy trắng	20	16	12
5512	19	00	- - Loại khác	20	16	12
			- Có tỷ trọng loại xơ staple từ acrylic hay modacrylic từ 85% trở lên:			
5512	21	00	- - Chưa hoặc đã tẩy trắng	20	16	12
5512	29	00	- - Loại khác	20	16	12
			- Loại khác:			

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
5512	91	00	- - Chưa hoặc đã tẩy trắng	20	16	12
5512	99	00	- - Loại khác	20	16	12
5513			**Vải dệt thoi bằng xơ staple tổng hợp, có tỷ trọng loại xơ này dưới 85%, pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với bông, trọng lượng không quá 170 g/m²**			
			- Chưa hoặc đã tẩy trắng:			
5513	11	00	- - Từ xơ staple polyeste, dệt vân điểm	20	16	12
5513	12	00	- - Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân, từ xơ staple polyeste	20	16	12
5513	13	00	- - Vải dệt thoi khác từ xơ staple polyeste	20	16	12
5513	19	00	- - Vải dệt thoi khác	20	16	12
			- Đã nhuộm:			
5513	21	00	- - Từ xơ staple polyeste, dệt vân điểm	20	16	12
5513	22	00	- - Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân, từ xơ staple polyeste	20	16	12
5513	23	00	- - Vải dệt thoi khác từ xơ staple polyeste	20	16	12
5513	29	00	- - Vải dệt thoi khác	20	16	12
			- Từ các sợi có các mầu khác nhau:			
5513	31	00	- - Từ xơ staple polyeste, dệt vân điểm	20	16	12
5513	32	00	- - Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân, từ xơ staple polyeste	20	16	12
5513	33	00	- - Vải dệt thoi khác từ xơ staple polyeste	20	16	12
5513	39	00	- - Vải dệt thoi khác	20	16	12
			- Đã in:			
5513	41	00	- - Từ xơ staple polyeste, dệt vân điểm	20	16	12
5513	42	00	- - Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân, từ xơ staple polyeste	20	16	12
5513	43	00	- - Vải dệt thoi khác từ xơ staple polyeste	20	16	12
5513	49	00	- - Vải dệt thoi khác	20	16	12
5514			**Vải dệt thoi từ xơ staple tổng hợp, có tỷ trọng loại xơ này dưới 85%, pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với bông, trọng lượng trên 170 g/m²**			

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09639630

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
			- Chưa hoặc đã tẩy trắng:			
5514	11	00	- - Từ xơ staple polyeste, dệt vân điểm	20	16	12
5514	12	00	- - Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân, từ xơ staple polyeste	20	16	12
5514	13	00	- - Vải dệt thoi khác từ xơ staple polyeste	20	16	12
5514	19	00	- - Vải dệt thoi khác	20	16	12
			- Đã nhuộm:			
5514	21	00	- - Từ xơ staple polyeste, dệt vân điểm	20	16	12
5514	22	00	- - Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân, từ xơ staple polyeste	20	16	12
5514	23	00	- - Vải dệt thoi khác từ xơ staple polyeste	20	16	12
5514	29	00	- - Vải dệt thoi khác	20	16	12
			- Từ các sợi có các mầu khác nhau:			
5514	31	00	- - Từ xơ staple polyeste, dệt vân điểm	20	16	12
5514	32	00	- - Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân, từ xơ staple polyeste	20	16	12
5514	33	00	- - Vải dệt thoi khác từ xơ staple polyeste	20	16	12
5514	39	00	- - Vải dệt thoi khác	20	16	12
			- Đã in:			
5514	41	00	- - Từ xơ staple polyeste, dệt vân điểm	20	16	12
5514	42	00	- - Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân, từ xơ staple polyeste	20	16	12
5514	43	00	- - Vải dệt thoi khác từ xơ staple polyeste	20	16	12
5514	49	00	- - Vải dệt thoi khác	20	16	12
5515			**Các loại vải dệt thoi khác từ xơ staple tổng hợp**			
			- Từ xơ staple polyeste:			
5515	11	00	- - Pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với xơ staple viscose rayon	20	16	12
5515	12	00	- - Pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với sợi filament nhân tạo	20	16	12
5515	13	00	- - Pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	20	16	12
5515	19	00	- - Loại khác	20	16	12

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
			- Từ xơ staple acrylic hoặc modacrylic:			
5515	21	00	- - Pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với sợi filament nhân tạo	20	16	12
5515	22	00	- - Pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	20	16	12
5515	29	00	- - Loại khác	20	16	12
			- Vải dệt thoi khác:			
5515	91	00	- - Pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với sợi filament nhân tạo	20	16	12
5515	92	00	- - Pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	20	16	12
5515	99	00	- - Loại khác	20	16	12
5516			**Vải dệt thoi từ xơ staple tái tạo**			
			- Có tỷ trọng xơ staple tái tạo từ 85% trở lên:			
5516	11	00	- - Chưa hoặc đã tẩy trắng	20	16	12
5516	12	00	- - Đã nhuộm	20	16	12
5516	13	00	- - Từ các sợi có các mầu khác nhau	20	16	12
5516	14	00	- - Đã in	20	16	12
			- Có tỷ trọng xơ staple tái tạo dưới 85%, được pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với sợi filament nhân tạo:			
5516	21	00	- - Chưa hoặc đã tẩy trắng	20	16	12
5516	22	00	- - Đã nhuộm	20	16	12
5516	23	00	- - Từ các sợi có các mầu khác nhau	20	16	12
5516	24	00	- - Đã in	20	16	12
			- Có tỷ trọng xơ staple tái tạo dưới 85%, được pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với lông cừu hoặc lông động vật loại mịn:			
5516	31	00	- - Chưa hoặc đã tẩy trắng	20	16	12
5516	32	00	- - Đã nhuộm	20	16	12
5516	33	00	- - Từ các sợi có các mầu khác nhau	20	16	12
5516	34	00	- - Đã in	20	16	12
			- Có tỷ trọng xơ staple tái tạo dưới 85%, được pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với bông:			

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
5516	41	00	- - Chưa hoặc đã tẩy trắng	20	16	12
5516	42	00	- - Đã nhuộm	20	16	12
5516	43	00	- - Từ các sợi có các mầu khác nhau	20	16	12
5516	44	00	- - Đã in	20	16	12
			- Loại khác:			
5516	91	00	- - Chưa hoặc đã tẩy trắng	20	16	12
5516	92	00	- - Đã nhuộm	20	16	12
5516	93	00	- - Từ các sợi có các mầu khác nhau	20	16	12
5516	94	00	- - Đã in	20	16	12
5601			**Mền xơ bằng nguyên liệu dệt và các sản phẩm của nó; các loại xơ dệt, chiều dài không quá 5 mm (xơ vụn), bụi xơ và kết xơ (neps) từ công nghiệp dệt**			
5601	10	00	- Băng và gạc vệ sinh, tã thấm và tã lót cho trẻ sơ sinh và các sản phẩm vệ sinh tương tự, từ mền xơ	12	10	7
			- Mền xơ; các sản phẩm khác làm từ mền xơ:			
5601	21	00	- - Từ bông	12	10	7
5601	22		- - Từ xơ nhân tạo:			
5601	22	10	- - - Tô (tow) làm đầu lọc thuốc lá	12	10	7
5601	22	90	- - - Loại khác	12	10	7
5601	29	00	- - Loại khác	12	10	7
5601	30		- Xơ vụn, bụi xơ và kết xơ từ công nghiệp dệt:			
5601	30	10	- - Xơ vụn polyamit	12	10	7
5601	30	90	- - Loại khác	12	10	7
5602			**Phớt, đã hoặc chưa ngâm tẩm, tráng, phủ, hoặc ép lớp**			
5602	10	00	- Phớt xuyên kim và vải khâu đính	20	16	12
			- Phớt khác, chưa ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép lớp:			
5602	21		- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn:			
5602	21	10	- - - Có trọng lượng từ 750 g/m^2 trở lên	20	16	12
5602	21	90	- - - Loại khác	20	16	12
5602	29		- - Từ nguyên liệu dệt khác:			

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09639630

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
5602	29	10	- - - Có trọng lượng từ 750 g/m^2 trở lên	20	16	12
5602	29	90	- - - Loại khác	20	16	12
5602	90		- Loại khác:			
5602	90	10	- - Đã ngâm tẩm, tráng, phủ, hoặc ép lớp	20	16	12
5602	90	90	- - Loại khác	20	16	12
5603			**Các sản phẩm không dệt, đã hoặc chưa ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép lớp**			
			- Bằng sợi filament nhân tạo:			
5603	11		- - Trọng lượng không quá 25 g/m^2:			
5603	11	10	- - - Chưa ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép lớp	20	16	12
5603	11	90	- - - Loại khác	20	16	12
5603	12		- - Trọng lượng trên 25 g/m^2 nhưng không quá 70 g/m^2:			
5603	12	10	- - - Chưa ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép lớp	20	16	12
5603	12	90	- - - Loại khác	20	16	12
5603	13		- - Trọng lượng trên 70 g/m^2 nhưng không quá 150 g/m^2:			
5603	13	10	- - - Chưa ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép lớp	20	16	12
5603	13	90	- - - Loại khác	20	16	12
5603	14		- - Trọng lượng trên 150 g/m^2:			
5603	14	10	- - - Chưa ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép lớp	20	16	12
5603	14	90	- - - Loại khác	20	16	12
			- Loại khác:			
5603	91	00	- - Trọng lượng không quá 25 g/m^2	20	16	12
5603	92	00	- - Trọng lượng trên 25 g/m^2 nhưng không quá 70 g/m^2	20	16	12
5603	93	00	- - Trọng lượng trên 70 g/m^2 nhưng không quá 150 g/m^2	20	16	12
5603	94	00	- - Trọng lượng trên 150 g/m^2	20	16	12
5604			**Chỉ cao su và chỉ coóc (cord) cao su, được bọc bằng vật liệu dệt; sợi dệt, dải và dạng tương tự thuộc nhóm 54.04 hoặc 54.05, đã ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc bao ngoài bằng cao su hoặc plastic**			

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
5604	10	00	- Chỉ cao su và chỉ coóc cao su được bọc bằng vật liệu dệt	12	10	7
5604	20	00	- Sợi có độ bền cao từ các polyeste, nylon, hoặc các polyamit khác hoặc từ viscose rayon, đã ngâm tẩm hoặc tráng	12	10	7
5604	90		- Loại khác:			
5604	90	10	- - Chỉ giả catgut từ tơ tằm	12	10	7
5604	90	90	- - Loại khác	12	10	7
5605	**00**	**00**	**Sợi kim loại hóa, có hoặc không quấn bọc, là loại sợi dệt hoặc dải hoặc dạng tương tự thuộc nhóm 54.04 hoặc 54.05, được kết hợp với kim loại ở dạng dây, dải hoặc bột hoặc phủ bằng kim loại**	12	10	7
5606	**00**	**00**	**Sợi quấn bọc, sợi dạng dải và các dạng tương tự thuộc nhóm 54.04 hoặc 54.05, đã quấn bọc (trừ các loại thuộc nhóm 56.05 và sợi quấn bọc lông bờm ngựa); sợi sơnin (chenille) (kể cả sợi sơnin xù); sợi sùi vòng**	20	16	12
5607			**Dây xe, dây coóc (cordage), dây thừng và cáp, đã hoặc chưa tết hoặc bện, có hoặc không ngâm, tẩm, tráng, phủ, hoặc bao ngoài bằng cao su hoặc plastic**			
5607	10	00	- Từ đay hay các xơ libe dệt khác thuộc nhóm 53.03	20	16	12
			- Từ xizan (sisal) hoặc từ xơ dệt khác của các cây thuộc chi cây thùa:			
5607	21	00	- - Dây xe để buộc, đóng kiện	20	16	12
5607	29	00	- - Loại khác	20	16	12
			- Từ polyethylen hoặc polypropylene:			
5607	41	00	- - Dây xe để buộc, đóng kiện	20	16	12
5607	49		- - Loại khác:			
5607	49	10	- - - Dây an toàn (bảo hiểm) công nghiệp	20	16	12

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
5607	49	90	- - - Loại khác	20	16	12
5607	50		- Từ xơ tổng hợp khác:			
5607	50	10	- - Sợi coóc cho dây đai chữ V làm từ xơ nhân tạo đã xử lý bằng formaldehyde resorcinol; sợi polyamit và sợi polytetrafluoro ethylene (PTFE) có độ mảnh lớn hơn 10.000 decitex, dùng đóng gói hàng dệt	20	16	12
5607	50	90	- - Loại khác	20	16	12
5607	90	00	- Từ xơ khác	20	16	12
5608			**Tấm lưới được thắt gút bằng sợi xe, dây coóc (cordage) hoặc sợi xoắn thừng; lưới đánh cá và các loại lưới khác đã hoàn thiện, từ nguyên liệu dệt**			
			- Từ nguyên liệu dệt nhân tạo:			
5608	11	00	- - Lưới đánh cá thành phẩm	20	16	12
5608	19		- - Loại khác:			
5608	19	10	- - - Lưới bảo hiểm công nghiệp	20	16	12
5608	19	20	- - - Túi lưới	20	16	12
5608	19	90	- - - Loại khác	20	16	12
5608	90		- Từ vật liệu dệt khác:			
5608	90	10	- - Lưới bảo hiểm công nghiệp	20	16	12
5608	90	20	- - Túi lưới	20	16	12
5608	90	90	- - Loại khác	20	16	12
5609			**Các sản phẩm làm từ sợi, sợi dạng dải và dạng tương tự thuộc nhóm 54.04 hoặc 54.05; dây xe, dây coóc (cordage), dây xoắn thừng hoặc dây cáp chưa được chi tiết hay ghi ở nơi khác**			
5609	00	10	- Sợi lõi bọc xơ cắt ngắn	20	16	12
5609	00	90	- Loại khác	20	16	12
5701			**Thảm và các loại hàng dệt trải sàn khác loại thắt nút, đã hoặc chưa hoàn thiện**			

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
5701	10		- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn:			
5701	10	10	- - Các loại thảm cầu nguyện	20	16	12
5701	10	90	- - Loại khác	20	16	12
5701	90		- Từ các loại nguyên liệu dệt khác:			
			- - Bằng bông:			
5701	90	11	- - - Các loại thảm cầu nguyện	20	16	12
5701	90	19	- - - Loại khác	20	16	12
			- - Loại khác:			
5701	90	91	- - - Từ xơ đay	20	16	12
5701	90	99	- - - Loại khác	20	16	12
5702			**Thảm và các loại hàng dệt trải sàn khác, dệt thoi, không chần sợi vòng hoặc phủ xơ vụn, đã hoặc chưa hoàn thiện, bao gồm thảm "kelem", "schumacks", "karamanie" và các loại thảm nhỏ dệt thủ công tương tự**			
5702	10	00	- Thảm "Kelem","schumacks", "karamanie" và các loại thảm nhỏ dệt thủ công tương tự	20	16	12
5702	20	00	- Hàng trải sàn từ xơ dừa	20	16	12
			- Loại khác, có cấu tạo vòng lông, chưa hoàn thiện:			
5702	31	00	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	20	16	12
5702	32	00	- - Từ các nguyên liệu dệt nhân tạo	20	16	12
5702	39		- - Từ các nguyên liệu dệt khác:			
5702	39	10	- - - Từ bông	20	16	12
5702	39	20	- - - Từ xơ đay	20	16	12
5702	39	90	- - - Loại khác	20	16	12
			- Loại khác, có cấu tạo vòng lông, đã hoàn thiện:			
5702	41		- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn:			
5702	41	10	- - - Các loại thảm cầu nguyện	20	16	12
5702	41	90	- - - Loại khác	20	16	12
5702	42		- - Từ nguyên liệu dệt nhân tạo:			
5702	42	10	- - - Các loại thảm cầu nguyện	20	16	12
5702	42	90	- - - Loại khác	20	16	12
5702	49		- - Từ các nguyên liệu dệt khác:			

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09639630

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
			- - - Từ bông:			
5702	49	11	- - - - Các loại thảm cầu nguyện	20	16	12
5702	49	19	- - - - Loại khác	20	16	12
			- - - Loại khác:			
5702	49	91	- - - - Từ xơ đay	20	16	12
5702	49	99	- - - - Loại khác	20	16	12
			- Loại khác, không có cấu tạo vòng lông, chưa hoàn thiện:			
5702	51	00	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	20	16	12
5702	52	00	- - Từ nguyên liệu dệt nhân tạo	20	16	12
5702	59		- - Từ nguyên liệu dệt khác:			
5702	59	10	- - - Từ bông	20	16	12
5702	59	90	- - - Loại khác	20	16	12
			- Loại khác, không có cấu tạo vòng lông, đã hoàn thiện:			
5702	91		- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn:			
5702	91	10	- - - Các loại thảm cầu nguyện	20	16	12
5702	91	90	- - - Loại khác	20	16	12
5702	92		- - Từ nguyên liệu dệt nhân tạo:			
5702	92	10	- - - Các loại thảm cầu nguyện	20	16	12
5702	92	90	- - - Loại khác	20	16	12
5702	99		- - Từ các nguyên liệu dệt khác:			
			- - - Từ bông:			
5702	99	11	- - - - Các loại thảm cầu nguyện	20	16	12
5702	99	19	- - - - Loại khác	20	16	12
			- - - Loại khác:			
5702	99	91	- - - - Từ xơ đay	20	16	12
5702	99	99	- - - - Loại khác	20	16	12
5703			**Thảm và các loại hàng dệt trải sàn khác, được chần sợi nổi vòng, đã hoặc chưa hoàn thiện**			
5703	10		- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn:			
5703	10	10	- - Các loại thảm cầu nguyện	20	16	12
5703	10	90	- - Loại khác	20	16	12

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com
09639630

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
5703	20		- Từ nylon hoặc các polyamit khác:			
5703	20	10	- - Các loại thảm cầu nguyện	20	16	12
5703	20	90	- - Loại khác	20	16	12
5703	30		- Từ các nguyên liệu dệt nhân tạo khác:			
5703	30	10	- - Các loại thảm cầu nguyện	20	16	12
5703	30	90	- - Loại khác	20	16	12
5703	90		- Từ các nguyên liệu dệt khác:			
			- - Từ bông:			
5703	90	11	- - - Các loại thảm cầu nguyện	20	16	12
5703	90	19	- - - Loại khác	20	16	12
			- - Loại khác:			
5703	90	91	- - - Từ xơ đay	20	16	12
5703	90	99	- - - Loại khác	20	16	12
5704			**Thảm và các loại hàng dệt trải sàn khác, từ phớt, không chần sợi nổi vòng hoặc phủ xơ vụn, đã hoặc chưa hoàn thiện**			
5704	10	00	- Các tấm nhỏ có diện tích bề mặt tối đa là 0,3 m^2	20	16	12
5704	90	00	- Loại khác	20	16	12
5705			**Các loại thảm khác và các loại hàng dệt trải sàn khác, đã hoặc chưa hoàn thiện**			
			- Từ bông:			
5705	00	11	- - Các loại thảm cầu nguyện	20	16	12
5705	00	19	- - Loại khác	20	16	12
			- Loại khác:			
5705	00	91	- - Từ xơ đay	20	16	12
5705	00	99	- - Loại khác	20	16	12
5801			**Các loại vải dệt nổi vòng và các loại vải sơnin (chenille), trừ các loại vải thuộc nhóm 58.02 hoặc 58.06**			
5801	10		- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn:			
5801	10	10	- - Vải Melton bọc bóng quần vợt	20	16	12
5801	10	90	- - Loại khác	20	16	12

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com
09639630

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
			- Từ bông:			
5801	21	00	- - Vải có sợi ngang nổi vòng, không cắt	20	16	12
5801	22	00	- - Nhung kẻ	20	16	12
5801	23	00	- - Các loại vải có sợi ngang nổi vòng khác	20	16	12
5801	24	00	- - Vải có sợi dọc nổi vòng, không cắt	20	16	12
5801	25	00	- - Vải có sợi dọc nổi vòng, đã cắt	20	16	12
5801	26	00	- - Các loại vải sơnin (chenille)	20	16	12
			- Từ các loại sợi nhân tạo:			
5801	31	00	- - Vải có sợi ngang nổi vòng, không cắt	20	16	12
5801	32	00	- - Nhung kẻ	20	16	12
5801	33	00	- - Các loại vải có sợi ngang nổi vòng khác	20	16	12
5801	34	00	- - Vải có sợi dọc nổi vòng, có sọc dọc, không cắt	20	16	12
5801	35	00	- - Vải có sợi dọc nổi vòng, có sọc dọc, đã cắt	20	16	12
5801	36	00	- - Các loại vải sơnin (chenille)	20	16	12
5801	90		- Từ các vật liệu dệt khác:			
5801	90	10	- - Từ tơ tằm	20	16	12
5801	90	90	- - Loại khác	20	16	12
5802			**Vải khăn lông và các loại vải dệt thoi tạo vòng lông tương tự, trừ các loại vải khổ hẹp thuộc nhóm 58.06; các loại vải dệt chần sợi nổi vòng, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 57.03**			
			- Vải khăn lông và các loại vải dệt thoi tạo vòng lông tương tự, từ bông:			
5802	11	00	- - Chưa tẩy trắng	20	16	12
5802	19	00	- - Loại khác	20	16	12
5802	20	00	- Vải khăn lông và các loại vải dệt thoi tạo vòng lông tương tự, từ các vật liệu dệt khác	20	16	12
5802	30	00	- Các loại vải dệt có chần sợi nổi vòng	20	16	12
5803			**Vải dệt quấn, trừ các loại vải khổ hẹp thuộc nhóm 58.06**			
5803	10		- Từ bông:			
5803	10	10	- - Chưa tẩy trắng, không làm bóng	20	16	12

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
5803	10	90	- - Loại khác	20	16	12
5803	90		- Từ các nguyên liệu dệt khác:			
5803	90	10	- - Tấm lưới đan bằng plastic để che cho cây trồng	20	16	12
5803	90	90	- - Loại khác	20	16	12
5804			**Các loại vải tuyn và các loại vải dệt lưới khác, không bao gồm vải dệt thoi, dệt kim hoặc móc; hàng ren dạng mảnh, dạng dải hoặc dạng mẫu, trừ các loại vải thuộc các nhóm từ 60.02 đến 60.06**			
5804	10		- Vải tuyn và vải dệt lưới khác:			
5804	10	10	- - Từ tơ tằm	20	16	12
5804	10	20	- - Từ bông	20	16	12
5804	10	90	- - Loại khác	20	16	12
			- Ren dệt máy:			
5804	21	00	- - Từ sợi nhân tạo	20	16	12
5804	29	00	- - Từ vật liệu dệt khác	20	16	12
5804	30	00	- Ren thủ công	20	16	12
5805			**Thảm trang trí dệt thủ công theo kiểu Gobelins, Flanders, Aubusson, Beauvais và các kiểu tương tự và các loại thảm trang trí thêu tay (ví dụ: thêu mũi nhỏ, thêu chữ thập), đã hoặc chưa hoàn thiện**			
5805	00	10	- Từ bông	20	16	12
5805	00	90	- Loại khác	20	16	12
5806			**Vải dệt thoi khổ hẹp, trừ các loại hàng thuộc nhóm 58.07; vải khổ hẹp gồm toàn sợi dọc, không có sợi ngang, liên kết với nhau bằng chất keo dính (bolducs)**			
5806	10		- Vải dệt thoi có tạo vòng lông (kể cả vải khăn lông và vải dệt tạo vòng lông tương tự) và vải dệt từ sợi sơnin (chenille):			

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
5806	10	10	- - Từ tơ tằm	20	16	12
5806	10	20	- - Từ bông	20	16	12
5806	10	90	- - Loại khác	20	16	12
5806	20	00	- Vải dệt thoi khác, có tỷ trọng sợi đàn hồi (elastomeric) hoặc sợi cao su từ 5% trở lên	20	16	12
			- Vải dệt thoi khác:			
5806	31		- - Từ bông:			
5806	31	10	- - - Vải dệt thoi khổ hẹp thích hợp cho sản xuất băng mực dùng cho máy chữ hoặc các loại máy tương tự	20	16	12
5806	31	20	- - - Làm nền cho giấy cách điện	20	16	12
5806	31	30	- - - Băng làm khóa kéo, khổ rộng không quá 12 mm	20	16	12
5806	31	40	- - - Băng vải dày để bọc ống dẫn, cọc hoặc các loại tương tự	20	16	12
5806	31	50	- - - Vật dệt để đánh dấu trình tự dùng trong sản xuất dây điện	20	16	12
5806	31	90	- - - Loại khác	20	16	12
5806	32		- - Từ sợi nhân tạo:			
5806	32	10	- - - Vải dệt khổ hẹp sử dụng thích hợp cho sản xuất băng mực máy chữ hoặc các loại máy tương tự; băng vải dày dùng để sản xuất dây đai an toàn ghế ngồi	20	16	12
5806	32	20	- - - Băng làm khóa kéo, khổ rộng không quá 12 mm	20	16	12
5806	32	30	- - - Băng vải dày để bọc ống dẫn, cọc hoặc các loại tương tự	20	16	12
5806	32	90	- - - Loại khác	20	16	12
5806	39		- - Từ nguyên liệu dệt khác:			
5806	39	10	- - - Từ tơ tằm	20	16	12
5806	39	90	- - - Loại khác	20	16	12
5806	40	00	- Các loại vải dệt chỉ có sợi dọc, không có sợi ngang, liên kết với nhau bằng chất kết dính (bolducs)	20	16	12

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
5807			**Các loại nhãn, phù hiệu và các mặt hàng tương tự từ vật liệu dệt, dạng chiếc, dạng dải hoặc đã cắt theo hình hoặc kích cỡ, không thêu**			
5807	10	00	- Dệt thoi	20	16	12
5807	90	00	- Loại khác	20	16	12
5808			**Các dải bện dạng chiếc; dải, mảnh trang trí dạng chiếc, không thêu, trừ loại dệt kim hoặc móc; tua, ngù và các mặt hàng tương tự**			
5808	10		- Các dải bện dạng chiếc:			
5808	10	10	- - Kết hợp với sợi cao su	20	16	12
5808	10	90	- - Loại khác	20	16	12
5808	90		- Loại khác:			
5808	90	10	- - Kết hợp với sợi cao su	20	16	12
5808	90	90	- - Loại khác	20	16	12
5809	**00**	**00**	**Vải dệt thoi từ sợi kim loại và vải dệt thoi từ sợi kim loại hóa thuộc nhóm 56.05, sử dụng để trang trí, như các loại vải trang trí nội thất hoặc cho các mục đích tương tự, chưa được chi tiết hay ghi ở nơi khác**	20	16	12
5810			**Hàng thêu dạng chiếc, dạng dải hoặc dạng theo mẫu**			
5810	10	00	- Hàng thêu không lộ nền	20	16	12
			- Hàng thêu khác:			
5810	91	00	- - Từ bông	20	16	12
5810	92	00	- - Từ sợi nhân tạo	20	16	12
5810	99	00	- - Từ nguyên liệu dệt khác	20	16	12
5811	**00**	**00**	**Các sản phẩm dệt đã chần dạng chiếc, bao gồm một hay nhiều lớp vật liệu dệt kết hợp với lớp đệm bằng cách khâu hoặc cách khác, trừ hàng thêu thuộc nhóm 58.10**	20	16	12

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
5901			**Vải dệt được tráng keo hoặc hồ tinh bột, dùng để bọc ngoài bìa sách hoặc loại tương tự; vải can; vải bạt đã xử lý để vẽ; vải hồ cứng hoặc các loại vải dệt đã được làm cứng tương tự để làm cốt mũ**			
5901	10	00	- Vải dệt được tráng keo hoặc hồ tinh bột dùng để bọc ngoài bìa sách hoặc các loại tương tự	20	16	12
5901	90		- Loại khác:			
5901	90	10	- - Vải can	20	16	12
5901	90	20	- - Vải bạt đã xử lý để vẽ	20	16	12
5901	90	90	- - Loại khác	20	16	12
5902			**Vải mành dùng làm lốp từ sợi có độ bền cao từ nylon, hoặc các polyamit, các polyeste khác hoặc viscose rayon**			
5902	10		- Từ nylon hoặc các polyamit khác:			
5902	10	10	- - Vải bạt làm lốp được cao su hóa	20	16	12
5902	10	90	- - Loại khác	20	16	12
5902	20		- Từ polyeste:			
5902	20	10	- - Vải mành dùng làm lốp từ sợi có độ bền cao từ polyeste và bông	20	16	12
5902	20	20	- - Vải bạt làm lốp được cao su hóa	20	16	12
5902	20	90	- - Loại khác	20	16	12
5902	90		- Loại khác:			
5902	90	10	- - Vải bạt làm lốp được cao su hóa	20	16	12
5902	90	90	- - Loại khác	20	16	12
5903			**Vải dệt đã được ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép với plastic, trừ các loại thuộc nhóm 59.02**			
5903	10		- Với poly (vinyl chloride):			
5903	10	10	- - Vải dựng	20	16	12
5903	10	90	- - Loại khác	20	16	12
5903	20		- Với polyurethane:			
5903	20	10	- - Vải dựng	20	16	12

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09639630

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
5903	20	90	- - Loại khác	20	16	12
5903	90		- Loại khác:			
5903	90	10	- - Vải bạt nylon	20	16	12
5903	90	20	- - Vải dựng	20	16	12
5903	90	90	- - Loại khác	20	16	12
5904			**Vải sơn, đã hoặc chưa cắt theo hình; các loại trải sàn có một lớp tráng hoặc phủ gắn trên lớp bồi là vật liệu dệt, đã hoặc chưa cắt thành hình**			
5904	10	00	- Vải sơn	20	16	12
5904	90		- Loại khác:			
5904	90	10	- - Với nền từ phớt xuyên kim hoặc vật liệu không dệt	20	16	12
5904	90	90	- - Với nền từ vải dệt khác	20	16	12
5905	**00**	**00**	**Các loại vải dệt phủ tường**	20	16	12
5906			**Vải dệt cao su hóa, trừ các loại thuộc nhóm 59.02**			
5906	10	00	- Băng dính có chiều rộng không quá 20 cm	20	16	12
			- Loại khác:			
5906	91	00	- - Vải dệt kim hoặc vải móc	20	16	12
5906	99		- - Loại khác:			
5906	99	10	- - - Tấm vải cao su dùng cho bệnh viện	20	16	12
5906	99	90	- - - Loại khác	20	16	12
5907			**Các loại vải dệt được ngâm tẩm, tráng hoặc phủ bằng cách khác; bạt đã vẽ làm phông màn cho sân khấu, phông trường quay hoặc loại tương tự**			
5907	00	10	- Các loại vải dệt được ngâm, tráng hoặc phủ với dầu hoặc các chế phẩm từ dầu	20	16	12
5907	00	20	- Bạt in làm phông màn sân khấu, trường quay hoặc loại tương tự	20	16	12

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
5907	00	30	- Các loại vải dệt được ngâm tẩm, tráng hoặc phủ với hóa chất chịu lửa	20	16	12
5907	00	40	- Các loại vải được ngâm tẩm, tráng hoặc phủ với nhung xơ vụn, toàn bộ bề mặt được phủ với xơ vụn dệt	20	16	12
5907	00	50	- Các loại vải được ngâm tẩm, tráng hoặc phủ lớp sáp, hắc ín, bitum hoặc các sản phẩm tương tự	20	16	12
5907	00	60	- Các loại vải được ngâm tẩm, tráng hoặc phủ bằng vật liệu khác	20	16	12
5907	00	90	- Loại khác	20	16	12
5908			**Các loại bấc dệt thoi, tết hoặc dệt kim dùng cho đèn, bếp dầu, bật lửa, nến hoặc các loại tương tự; mạng đèn măng xông và các loại vải dệt kim hình ống dùng làm mạng đèn măng xông, đã hoặc chưa ngâm tẩm**			
5908	00	10	- Bấc; mạng đèn măng xông	20	16	12
5908	00	90	- Loại khác	20	16	12
5909			**Các loại ống dẫn dệt mềm và các loại ống dệt tương tự có lót hoặc không lót hoặc bọc vỏ cứng, hoặc có các phụ kiện từ vật liệu khác**			
5909	00	10	- Các loại vòi cứu hỏa	20	16	12
5909	00	20	- Ống vải không dệt với lõi plastic dùng để thoát nước	20	16	12
5909	00	90	- Loại khác	20	16	12
5910			**Băng tải, băng truyền hoặc băng đai bằng vật liệu dệt, đã hoặc chưa ngâm, tẩm, tráng, phủ hoặc ép bằng plastic, hoặc gia cố bằng kim loại hoặc vật liệu khác**			
5910	00	10	- Băng tải nỉ	20	16	12
5910	00	90	- Loại khác	20	16	12

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
5911			**Các sản phẩm và mặt hàng dệt phục vụ cho mục đích kỹ thuật, đã nêu tại Chú giải 7 của Chương này**			
5911	10	00	- Vải dệt, phớt và vải dệt thoi lót phớt đã được tráng, phủ, hoặc ép bằng cao su, da thuộc hoặc vật liệu khác, làm vải nền cho kim chải, và vải tương tự phục vụ cho mục đích kỹ thuật khác, kể cả vải khổ hẹp làm từ nhung được ngâm tẩm cao su để bọc các lõi, trục dệt	20	16	12
5911	20	00	- Vải dùng để sàng, đã hoặc chưa hoàn thiện	20	16	12
			- Vải dệt và phớt, được dệt vòng liền hoặc kèm theo cơ cấu nối ráp dùng cho máy sản xuất giấy hoặc các loại máy tương tự (ví dụ, để sản xuất bột giấy hoặc xi măng amiăng):			
5911	31	00	- - Trọng lượng dưới 650 g/m^2	20	16	12
5911	32	00	- - Trọng lượng từ 650 g/m^2 trở lên	20	16	12
5911	40	00	- Vải lọc dùng trong ép dầu hoặc loại tương tự, kể cả loại làm từ tóc người	20	16	12
5911	90		- Loại khác:			
5911	90	10	- - Các loại hàng dệt làm bao bì và miếng đệm	20	16	12
5911	90	90	- - Loại khác	20	16	12
6001			**Vải có tạo vòng lông, bao gồm cả các loại vải "vòng lông dài" và vải khăn lông, dệt kim hoặc móc**			
6001	10		- Vải "vòng lông dài":			
6001	10	10	- - Chưa tẩy trắng, không làm bóng	20	16	12
6001	10	90	- - Loại khác	20	16	12
			- Vải tạo vòng lông bằng dệt kim:			
6001	21		- - Từ bông:			
6001	21	10	- - - Chưa tẩy trắng, không làm bóng	20	16	12
6001	21	90	- - - Loại khác	20	16	12
6001	22		- - Từ xơ sợi nhân tạo:			
6001	22	10	- - - Chưa tẩy trắng	20	16	12

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
6001	22	90	- - - Loại khác	20	16	12
6001	29		- - Từ các loại nguyên liệu dệt khác:			
6001	29	10	- - - Chưa tẩy trắng	20	16	12
6001	29	90	- - - Loại khác	20	16	12
			- Loại khác:			
6001	91		- - Từ bông:			
6001	91	10	- - - Chưa tẩy trắng, không làm bóng	20	16	12
6001	91	90	- - - Loại khác	20	16	12
6001	92		- - Từ xơ sợi nhân tạo:			
			- - - Vải tạo vòng lông từ 100% xơ staple polyeste với khổ rộng từ 63,5 mm đến 76,2 mm phù hợp cho sản xuất các trục lăn sơn:			
6001	92	11	- - - - Chưa tẩy trắng	20	16	12
6001	92	19	- - - - Loại khác	20	16	12
			- - - Loại khác:			
6001	92	91	- - - - Chưa tẩy trắng	20	16	12
6001	92	99	- - - - Loại khác	20	16	12
6001	99		- - Từ nguyên liệu dệt khác:			
6001	99	10	- - - Chưa tẩy trắng, không làm bóng	20	16	12
6001	99	90	- - - Loại khác	20	16	12
6002			**Vải dệt kim hoặc móc có khổ rộng không quá 30 cm, có tỷ trọng sợi đàn hồi hoặc sợi cao su từ 5% trở lên, trừ loại thuộc nhóm 60.01**			
6002	40	00	- Có tỷ trọng sợi đàn hồi từ 5% trở lên nhưng không có sợi cao su	20	16	12
6002	90	00	- Loại khác	20	16	12
6003			**Vải dệt kim hoặc móc có khổ rộng không quá 30 cm, trừ loại thuộc nhóm 60.01 hoặc 60.02**			
6003	10	00	- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	20	16	12
6003	20	00	- Từ bông	20	16	12
6003	30	00	- Từ xơ sợi tổng hợp	20	16	12

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
6003	40	00	- Từ xơ sợi tái tạo	20	16	12
6003	90	00	- Loại khác	20	16	12
6004			**Vải dệt kim hoặc móc có khổ rộng hơn 30 cm, có tỷ trọng sợi đàn hồi hoặc sợi cao su từ 5% trở lên, trừ các loại thuộc nhóm 60.01**			
6004	10		- Có tỷ trọng sợi đàn hồi từ 5% trở lên nhưng không có sợi cao su:	20	16	12
6004	10	10	- - Vải dệt kim để làm quần áo bơi có tỷ trọng 80% là sợi tổng hợp và 20% là sợi đàn hồi	20	16	12
6004	10	90	- - Loại khác	20	16	12
6004	90		- Loại khác:	20	16	12
6004	90	10	- - Vải đàn hồi (kết hợp với các loại sợi cao su)	20	16	12
6004	90	90	- - Loại khác	20	16	12
6005			**Vải dệt kim sợi dọc (kể cả các loại làm trên máy dệt kim dệt dải trang trí), trừ loại thuộc nhóm 60.01 đến 60.04**			
6005	10	00	- Từ lông cừu hay lông động vật loại mịn	20	16	12
			- Từ bông:			
6005	21	00	- - Chưa hoặc đã tẩy trắng	20	16	12
6005	22	00	- - Đã nhuộm	20	16	12
6005	23	00	- - Từ các sợi có mầu khác nhau	20	16	12
6005	24	00	- - Đã in	20	16	12
			- Từ sợi tổng hợp:			
6005	31	00	- - Chưa hoặc đã tẩy trắng	20	16	12
6005	32	00	- - Đã nhuộm	20	16	12
6005	33	00	- - Từ các sợi có mầu khác nhau	20	16	12
6005	34	00	- - Đã in	20	16	12
			- Từ sợi tái tạo:			
6005	41	00	- - Chưa hoặc đã tẩy trắng	20	16	12
6005	42	00	- - Đã nhuộm	20	16	12
6005	43	00	- - Từ các sợi có mầu khác nhau	20	16	12
6005	44	00	- - Đã in	20	16	12
6005	90	00	- Loại khác	20	16	12

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
6006			**Vải dệt kim hoặc móc khác**			
6006	10	00	- Từ lông cừu hay lông động vật loại mịn	20	16	12
			- Từ bông:			
6006	21	00	- - Chưa hoặc đã tẩy trắng	20	16	12
6006	22	00	- - Đã nhuộm	20	16	12
6006	23	00	- - Từ các sợi có mầu khác nhau	20	16	12
6006	24	00	- - Đã in	20	16	12
			- Từ sợi tổng hợp:			
6006	31		- - Chưa hoặc đã tẩy trắng:			
6006	31	10	- - - Tấm lưới từ sợi nylon dùng làm vật liệu bồi cho các tấm ghép khảm	20	16	12
6006	31	90	- - - Loại khác	20	16	12
6006	32		- - Đã nhuộm:			
6006	32	10	- - - Tấm lưới từ sợi nylon dùng làm vật liệu bồi cho các tấm ghép khảm	20	16	12
6006	32	90	- - - Loại khác	20	16	12
6006	33		- - Từ các sợi có mầu khác nhau:			
6006	33	10	- - - Tấm lưới từ sợi nylon dùng làm vật liệu bồi cho các tấm ghép khảm	20	16	12
6006	33	90	- - - Loại khác	20	16	12
6006	34		- - Đã in:			
6006	34	10	- - - Tấm lưới từ sợi nylon dùng làm vật liệu bồi cho các tấm ghép khảm	20	16	12
6006	34	90	- - - Loại khác	20	16	12
			- Từ sợi tái tạo:			
6006	41	00	- - Chưa hoặc đã tẩy trắng	20	16	12
6006	42	00	- - Đã nhuộm	20	16	12
6006	43	00	- - Từ các sợi có các mầu khác nhau	20	16	12
6006	44	00	- - Đã in	20	16	12
6006	90	00	- Loại khác	20	16	12
6101			**Áo khoác dài, áo khoác mặc khi đi xe (car-coat), áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự, dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, dệt kim hoặc móc, trừ các loại thuộc nhóm 61.03**			

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
6101	10	00	- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	30	25	20
6101	20	00	- Từ bông	30	25	20
6101	30	00	- Từ các loại sợi nhân tạo	30	25	20
6101	90	00	- Từ các nguyên liệu dệt khác	30	25	20
6102			**Áo khoác dài, áo khoác mặc khi đi xe (car-coat), áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ trùm (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự, dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, dệt kim hoặc móc, trừ các loại thuộc nhóm 61.04**			
6102	10	00	- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	30	25	20
6102	20	00	- Từ bông	30	25	20
6102	30	00	- Từ các sợi nhân tạo	30	25	20
6102	90	00	- Từ các nguyên liệu dệt khác	30	25	20
6103			**Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo khoác thể thao, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chẽn, và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, dệt kim hoặc móc**			
			- Bộ com-lê:			
6103	11	00	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	30	25	20
6103	12	00	- - Từ sợi tổng hợp	30	25	20
6103	19		- - Từ các nguyên liệu dệt khác:			
6103	19	10	- - - Từ bông	30	25	20
6103	19	20	- - - Từ gai ramie, lanh hoặc tơ tằm	30	25	20
6103	19	90	- - - Loại khác	30	25	20
			- Bộ quần áo đồng bộ:			
6103	21	00	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	30	25	20
6103	22	00	- - Từ bông	30	25	20
6103	23	00	- - Từ sợi tổng hợp	30	25	20
6103	29		- - Từ các nguyên liệu dệt khác:			

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
6103	29	10	- - - Từ gai ramie, lanh hoặc tơ tằm	30	25	20
6103	29	90	- - - Loại khác	30	25	20
			- Áo jacket và áo khoác thể thao:			
6103	31	00	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	30	25	20
6103	32	00	- - Từ bông	30	25	20
6103	33	00	- - Từ sợi tổng hợp	30	25	20
6103	39		- - Từ các nguyên liệu dệt khác:			
6103	39	10	- - - Từ gai ramie, lanh hoặc tơ tằm	30	25	20
6103	39	90	- - - Loại khác	30	25	20
			- Quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chẽn và quần soóc:			
6103	41	00	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	30	25	20
6103	42	00	- - Từ bông	30	25	20
6103	43	00	- - Từ sợi tổng hợp	30	25	20
6103	49		- - Từ các nguyên liệu dệt khác:			
6103	49	10	- - - Từ gai ramie, lanh hoặc tơ tằm	30	25	20
6103	49	90	- - - Loại khác	30	25	20
6104			**Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo khoác thể thao, áo váy dài, váy, quần váy, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chẽn và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, dệt kim hoặc móc**			
			- Bộ com-lê:			
6104	11	00	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	30	25	20
6104	12	00	- - Từ bông	30	25	20
6104	13	00	- - Từ sợi tổng hợp	30	25	20
6104	19		- - Từ các nguyên liệu dệt khác:			
6104	19	10	- - - Từ gai ramie, lanh hoặc tơ tằm	30	25	20
6104	19	90	- - - Loại khác	30	25	20
			- Bộ quần áo đồng bộ:			
6104	21	00	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	30	25	20
6104	22	00	- - Từ bông	30	25	20

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
6104	23	00	- - Từ sợi tổng hợp	30	25	20
6104	29		- - Từ các nguyên liệu dệt khác:			
6104	29	10	- - - Từ gai ramie, lanh hoặc tơ tằm	30	25	20
6104	29	90	- - - Loại khác	30	25	20
			- Áo jacket và áo khoác thể thao:			
6104	31	00	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	30	25	20
6104	32	00	- - Từ bông	30	25	20
6104	33	00	- - Từ sợi tổng hợp	30	25	20
6104	39		- - Từ các nguyên liệu dệt khác:			
6104	39	10	- - - Từ gai ramie, lanh hoặc tơ tằm	30	25	20
6104	39	90	- - - Loại khác	30	25	20
			- Áo váy dài:			
6104	41	00	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	30	25	20
6104	42	00	- - Từ bông	30	25	20
6104	43	00	- - Từ sợi tổng hợp	30	25	20
6104	44	00	- - Từ sợi tái tạo	30	25	20
6104	49		- - Từ các nguyên liệu dệt khác:			
6104	49	10	- - - Từ gai ramie, lanh hoặc tơ tằm	30	25	20
6104	49	90	- - - Loại khác	30	25	20
			- Các loại váy và quần váy:			
6104	51	00	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	30	25	20
6104	52	00	- - Từ bông	30	25	20
6104	53	00	- - Từ sợi tổng hợp	30	25	20
6104	59		- - Từ các nguyên liệu dệt khác:			
6104	59	10	- - - Từ gai ramie, lanh hoặc tơ tằm	30	25	20
6104	59	90	- - - Loại khác	30	25	20
			- Các loại quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chẽn và quần soóc:			
6104	61	00	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	30	25	20
6104	62	00	- - Từ bông	30	25	20
6104	63	00	- - Từ sợi tổng hợp	30	25	20
6104	69		- - Từ các nguyên liệu dệt khác:			
6104	69	10	- - - Từ gai ramie, lanh hoặc tơ tằm	30	25	20
6104	69	90	- - - Loại khác	30	25	20

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
6105			**Áo sơ mi nam giới hoặc trẻ em trai, dệt kim hoặc móc**			
6105	10	00	- Từ bông	30	25	20
6105	20		- Từ sợi nhân tạo:			
6105	20	10	- - Từ sợi tổng hợp	30	25	20
6105	20	20	- - Từ sợi tái tạo	30	25	20
6105	90		- Từ các nguyên liệu dệt khác:			
6105	90	10	- - Từ gai ramie, lanh hoặc tơ tằm	30	25	20
6105	90	90	- - Loại khác	30	25	20
6106			**Áo khoác ngắn (blouses), áo sơ mi và áo sơ mi phỏng kiểu nam dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, dệt kim hoặc móc**			
6106	10	00	- Từ bông	30	25	20
6106	20	00	- Từ sợi nhân tạo	30	25	20
6106	90		- Từ các nguyên liệu dệt khác:			
6106	90	10	- - Từ gai ramie, lanh hoặc tơ tằm	30	25	20
6106	90	20	- - Từ lông cừu hoặc từ lông động vật mịn	30	25	20
6106	90	90	- - Loại khác	30	25	20
6107			**Quần lót, quần sịp, áo ngủ, bộ pyjama, áo choàng tắm, áo khoác ngoài mặc trong nhà và các loại tương tự, dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, dệt kim hoặc móc**			
			- Quần lót, quần sịp:			
6107	11	00	- - Từ bông	30	25	20
6107	12	00	- - Từ sợi nhân tạo	30	25	20
6107	19		- - Từ các nguyên liệu dệt khác:			
6107	19	10	- - - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	30	25	20
6107	19	90	- - - Loại khác	30	25	20
			- Các loại áo ngủ và bộ pyjama:			
6107	21	00	- - Từ bông	30	25	20
6107	22	00	- - Từ sợi nhân tạo	30	25	20
6107	29		- - Từ các nguyên liệu dệt khác:			

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
6107	29	10	- - - Từ tơ tằm	30	25	20
6107	29	20	- - - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	30	25	20
6107	29	90	- - - Loại khác	30	25	20
			- Loại khác:			
6107	91	00	- - Từ bông	30	25	20
6107	92	00	- - Từ sợi nhân tạo	30	25	20
6107	99		- - Từ các nguyên liệu dệt khác:			
6107	99	10	- - - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	30	25	20
6107	99	90	- - - Loại khác	30	25	20
6108			**Váy lót có dây đeo, váy lót trong, quần xi líp, quần đùi bó, áo ngủ, bộ pyjama, áo mỏng mặc trong nhà, áo choàng tắm, áo khoác ngoài mặc trong nhà và các loại tương tự dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, dệt kim hoặc móc**			
			- Váy lót có dây đeo và váy lót trong:			
6108	11	00	- - Từ sợi nhân tạo	30	25	20
6108	19		- - Từ các nguyên liệu dệt khác:			
6108	19	10	- - - Từ tơ tằm	30	25	20
6108	19	20	- - - Từ lông cừu hoặc lông động vật mịn	30	25	20
6108	19	30	- - - Từ bông	30	25	20
6108	19	90	- - - Loại khác	30	25	20
			- Quần xi líp và quần đùi bó:			
6108	21	00	- - Từ bông	30	25	20
6108	22	00	- - Từ sợi nhân tạo	30	25	20
6108	29		- - Từ các nguyên liệu dệt khác:			
6108	29	10	- - - Từ tơ tằm	30	25	20
6108	29	20	- - - Từ lông cừu hoặc lông động vật mịn	30	25	20
6108	29	90	- - - Loại khác	30	25	20
			- Áo ngủ và bộ pyjama:			
6108	31	00	- - Từ bông	30	25	20
6108	32	00	- - Từ sợi nhân tạo	30	25	20
6108	39		- - Từ các nguyên liệu dệt khác:			

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09639630

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
6108	39	10	- - - Từ tơ tằm	30	25	20
6108	39	20	- - - Từ lông cừu hoặc lông động vật mịn	30	25	20
6108	39	90	- - - Loại khác	30	25	20
			- Loại khác:			
6108	91	00	- - Từ bông	30	25	20
6108	92	00	- - Từ sợi nhân tạo	30	25	20
6108	99		- - Từ các nguyên liệu dệt khác:			
6108	99	10	- - - Từ lông cừu hoặc lông động vật mịn	30	25	20
6108	99	90	- - - Loại khác	30	25	20
6109			**Áo Ti-sớt (T-Shirt), áo may ô và các loại áo lót khác, dệt kim hoặc móc**			
6109	10		- Từ bông:			
6109	10	10	- - Dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai	30	25	20
6109	10	20	- - Dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái	30	25	20
6109	90		- Từ các nguyên liệu dệt khác:			
6109	90	10	- - Dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, từ gai ramie, lanh hoặc tơ tằm	30	25	20
6109	90	20	- - Dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, từ các vật liệu khác	30	25	20
6109	90	30	- - Dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, từ gai ramie, vải lanh hoặc tơ	30	25	20
6109	90	40	- - Dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, từ các vật liệu khác	30	25	20
6110			**Áo bó, áo chui đầu, áo cài khuy (Cardigans), gi-lê và các mặt hàng tương tự, dệt kim hoặc móc**			
			- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn:			
6110	11	00	- - Từ lông cừu	30	25	20
6110	12	00	- - Từ lông dê Ca-sơ-mia	30	25	20
6110	19	00	- - Loại khác	30	25	20
6110	20	00	- Từ bông	30	25	20
6110	30	00	- Từ sợi nhân tạo	30	25	20

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
6110	90		- Từ các nguyên liệu dệt khác:			
6110	90	10	- - Từ gai ramie, lanh hoặc tơ tằm	30	25	20
6110	90	90	- - Loại khác	30	25	20
6111			**Bộ quần áo và đồ phụ trợ cho quần áo trẻ sơ sinh, dệt kim hoặc móc**			
6111	10		- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn:			
6111	10	10	- - Tất dài, tất ngắn và giầy không có đế, không đàn hồi hoặc tráng cao su	30	25	20
6111	10	20	- - Tất dài, tất ngắn và giầy không có đế, đàn hồi hoặc tráng cao su	30	25	20
6111	10	30	- - Găng tay, găng tay hở ngón và găng tay bao, quầy tất (quần bó), quần lót và quần lót ngắn, bộ đồ tắm hoặc quần đùi	30	25	20
6111	10	40	- - Các quần áo khác	30	25	20
6111	10	90	- - Loại khác	30	25	20
6111	20		- Từ bông:			
6111	20	10	- - Tất dài, tất ngắn và giầy không có đế, không đàn hồi hoặc tráng cao su	30	25	20
6111	20	20	- - Tất dài, tất ngắn và giầy không có đế, đàn hồi hoặc tráng cao su	30	25	20
6111	20	30	- - Các bộ quần áo	30	25	20
6111	20	90	- - Loại khác	30	25	20
6111	30		- Từ sợi tổng hợp:			
6111	30	10	- - Tất dài, tất ngắn và giầy không có đế	30	25	20
6111	30	20	- - Các bộ quần áo khác	30	25	20
6111	30	90	- - Loại khác	30	25	20
6111	90		- Từ các nguyên liệu dệt khác:			
6111	90	10	- - Tất dài, tất ngắn, giầy không có đế, không đàn hồi hoặc tráng cao su	30	25	20
6111	90	20	- - Tất dài, tất ngắn và giầy không có đế, đàn hồi hoặc tráng cao su	30	25	20
6111	90	30	- - Các bộ quần áo	30	25	20
6111	90	90	- - Loại khác	30	25	20

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
6112			**Bộ quần áo thể thao, bộ quần áo trượt tuyết và bộ quần áo bơi, dệt kim hoặc móc**			
			- Bộ quần áo thể thao:			
6112	11	00	- - Từ bông	30	25	20
6112	12	00	- - Từ sợi tổng hợp	30	25	20
6112	19		- - Từ các nguyên liệu dệt khác:			
6112	19	10	- - - Từ gai ramie, lanh hoặc tơ tằm	30	25	20
6112	19	90	- - - Loại khác	30	25	20
6112	20	00	- Bộ quần áo trượt tuyết	30	25	20
			- Quần áo bơi cho nam giới hoặc trẻ em trai:			
6112	31		- - Từ sợi tổng hợp:			
6112	31	10	- - - Không đàn hồi hay tráng cao su	30	25	20
6112	31	20	- - - Đàn hồi hoặc tráng cao su	30	25	20
6112	39		- - Từ các nguyên liệu dệt khác:			
6112	39	10	- - - Không đàn hồi hay tráng cao su	30	25	20
6112	39	20	- - - Đàn hồi hoặc tráng cao su	30	25	20
			- Quần áo bơi cho phụ nữ hoặc trẻ em gái:			
6112	41		- - Từ sợi tổng hợp:			
6112	41	10	- - - Không đàn hồi hay tráng cao su	30	25	20
6112	41	20	- - - Đàn hồi hoặc tráng cao su	30	25	20
6112	49		- - Từ các nguyên liệu dệt khác:			
6112	49	10	- - - Không đàn hồi hay tráng cao su	30	25	20
6112	49	20	- - - Đàn hồi hoặc tráng cao su	30	25	20
6113			**Quần áo được may từ các loại vải dệt kim hoặc móc thuộc nhóm 59.03, 59.06 hoặc 59.07**			
			- Không đàn hồi hay tráng cao su:			
6113	00	11	- - Quần áo bảo hộ hoặc an toàn cho người lao động trừ hàng hóa thuộc phân nhóm 6113.00.12	30	25	20
6113	00	12	- - Quần áo chống cháy	30	25	20
6113	00	19	- - Loại khác	30	25	20
			- Đàn hồi hoặc tráng cao su:			
6113	00	21	- - Quần áo bảo hộ hoặc an toàn cho người lao động trừ hàng hóa thuộc phân nhóm 6113.00.22	30	25	20
6113	00	22	- - Quần áo chống cháy	30	25	20

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
6113	00	29	- - Loại khác	30	25	20
6114			**Các loại quần áo khác, dệt kim hoặc móc**			
6114	10	00	- Từ lông cừu hay lông động vật loại mịn	30	25	20
6114	20	00	- Từ bông	30	25	20
6114	30		- Từ sợi nhân tạo:			
6114	30	10	- - Quần áo chống cháy	30	25	20
6114	30	90	- - Loại khác	30	25	20
6114	90		- Từ nguyên liệu dệt khác:			
6114	90	10	- - Từ gai ramie, lanh hoặc tơ tằm	30	25	20
6114	90	90	- - Loại khác	30	25	20
6115			**Quần tất, quần áo nịt, bít tất dài (trên đầu gối), bít tất ngắn và các loại hàng bít tất dệt kim khác, kể cả nịt chân dùng cho người giãn tĩnh mạch, giầy dép không đế, dệt kim hoặc móc**			
			- Quần tất, quần áo nịt:			
6115	11		- - Từ sợi tổng hợp có độ mảnh sợi đơn dưới 67 dexitex:			
6115	11	10	- - - Không đàn hồi hay tráng cao su	30	25	20
6115	11	20	- - - Loại đàn hồi hoặc tráng cao su	30	25	20
6115	12		- - Từ sợi tổng hợp có độ mảnh sợi đơn từ 67 dexitex trở lên:			
6115	12	10	- - - Không đàn hồi hay tráng cao su	30	25	20
6115	12	20	- - - Loại đàn hồi hoặc tráng cao su	30	25	20
6115	19		- - Từ các nguyên liệu dệt khác:			
			- - - Không đàn hồi hay tráng cao su:			
6115	19	11	- - - - Từ bông	30	25	20
6115	19	19	- - - - Loại khác	30	25	20
			- - - Loại đàn hồi hoặc tráng cao su:			
6115	19	21	- - - - Từ bông	30	25	20
6115	19	29	- - - - Loại khác	30	25	20

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
6115	20		- Tất dài đến đầu gối hoặc trên đầu gối dùng cho phụ nữ, có độ mảnh mỗi sợi đơn dưới 67 dexitex:			
6115	20	10	- - Từ bông	30	25	20
6115	20	90	- - Từ các nguyên liệu dệt khác	30	25	20
			- Loại khác:			
6115	91		- - Từ lông cừu hay lông động vật loại mịn:			
6115	91	10	- - - Tất dài, tất ngắn, tất lót, tất ngắn không bàn chân và loại tương tự, cho nam giới	30	25	20
6115	91	20	- - - Tất dài, tất ngắn, tất lót, tất ngắn không bàn chân và loại tương tự, cho phụ nữ và trẻ em	30	25	20
6115	91	90	- - - Loại khác	30	25	20
6115	92		- - Từ bông:			
6115	92	10	- - - Tất dài, tất ngắn, tất lót, tất ngắn không bàn chân và loại tương tự, cho nam giới	30	25	20
6115	92	20	- - - Tất dài, tất ngắn, tất lót, tất ngắn không bàn chân và loại tương tự, cho phụ nữ và trẻ em	30	25	20
6115	92	90	- - - Loại khác	30	25	20
6115	93		- - Từ sợi tổng hợp:			
6115	93	10	- - - Tất dài, tất ngắn, tất lót, tất ngắn không bàn chân và loại tương tự, cho nam giới	30	25	20
6115	93	20	- - - Tất dài, tất ngắn, tất lót, tất ngắn không bàn chân và loại tương tự, cho phụ nữ và trẻ em	30	25	20
6115	93	90	- - - Loại khác	30	25	20
6115	99		- - Từ các nguyên liệu dệt khác:			
6115	99	10	- - - Tất dài, tất ngắn, tất lót, tất ngắn không bàn chân và loại tương tự, cho nam giới	30	25	20
6115	99	20	- - - Tất dài, tất ngắn, tất lót, tất ngắn không bàn chân và loại tương tự, cho phụ nữ và trẻ em	30	25	20
6115	99	90	- - - Loại khác	30	25	20
6116			**Găng tay, găng tay hở ngón và găng tay bao, dệt kim hoặc móc**			
6116	10	00	- Được ngâm tẩm, tráng hoặc phủ với plastic hoặc cao su	30	25	20

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
			- Loại khác:			
6116	91	00	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	30	25	20
6116	92	00	- - Từ bông	30	25	20
6116	93	00	- - Từ sợi tổng hợp	30	25	20
6116	99	00	- - Từ các nguyên liệu dệt khác	30	25	20
6117			**Hàng phụ trợ quần áo đã hoàn chỉnh, dệt kim hoặc móc khác; các chi tiết dệt kim hoặc móc của bộ quần áo hoặc hàng phụ trợ quần áo**			
6117	10		- Khăn san, khăn choàng vai, khăn quàng cổ, khăn choàng rộng đội đầu và choàng vai, mạng che mặt và các loại tương tự:			
6117	10	10	- - Từ bông	30	25	20
6117	10	90	- - Từ các nguyên liệu dệt khác	30	25	20
6117	20		- Nơ thường, nơ con bướm và cà vạt:			
6117	20	10	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	30	25	20
6117	20	90	- - Loại khác	30	25	20
6117	80		- Các loại hàng phụ trợ khác:			
6117	80	10	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	30	25	20
6117	80	90	- - Loại khác	30	25	20
6117	90	00	- Các chi tiết	30	25	20
6201			**Áo khoác ngoài, áo choàng mặc khi đi xe, áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ trùm (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự, dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, trừ các loại thuộc nhóm 62.03**			
			- Áo khoác ngoài, áo mưa, áo choàng mặc khi đi xe, áo khoác không tay, áo choàng không tay và các loại tương tự:			
6201	11	00	- - Từ lông cừu hay lông động vật loại mịn	30	25	20
6201	12	00	- - Từ sợi bông	30	25	20
6201	13	00	- - Từ sợi nhân tạo	30	25	20

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
6201	19		- - Từ các nguyên liệu dệt khác:			
6201	19	10	- - - Từ gai ramie, lanh hoặc tơ tằm	30	25	20
6201	19	90	- - - Loại khác	30	25	20
			- Loại khác:			
6201	91	00	- - Từ lông cừu hay lông động vật loại mịn	30	25	20
6201	92	00	- - Từ sợi bông	30	25	20
6201	93	00	- - Từ sợi nhân tạo	30	25	20
6201	99		- - Từ nguyên liệu dệt khác:			
6201	99	10	- - - Từ gai ramie, lanh hoặc tơ tằm	30	25	20
6201	99	90	- - - Loại khác	30	25	20
6202			**Áo khoác ngoài, áo choàng mặc khi đi xe, áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự, dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, trừ loại thuộc nhóm 62.04**			
			- Áo khoác ngoài, áo mưa, áo choàng mặc khi đi xe, áo khoác không tay, áo choàng không tay và các loại tương tự:			
6202	11	00	- - Từ lông cừu hay lông động vật loại mịn	30	25	20
6202	12	00	- - Từ sợi bông	30	25	20
6202	13	00	- - Từ sợi nhân tạo	30	25	20
6202	19		- - Từ nguyên liệu dệt khác:			
6202	19	10	- - - Từ gai ramie, lanh hoặc tơ tằm	30	25	20
6202	19	90	- - - Loại khác	30	25	20
			- Loại khác:			
6202	91	00	- - Từ lông cừu hay lông động vật loại mịn	30	25	20
6202	92	00	- - Từ sợi bông	30	25	20
6202	93	00	- - Từ sợi nhân tạo	30	25	20
6202	99		- - Từ nguyên liệu dệt khác:			
6202	99	10	- - - Từ gai ramie, lanh hoặc tơ tằm	30	25	20
6202	99	90	- - - Loại khác	30	25	20

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09639630

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
6203			**Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo khoác thể thao, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chẽn và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai**			
			- Bộ com-lê:			
6203	11	00	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	30	25	20
6203	12	00	- - Từ sợi tổng hợp	30	25	20
6203	19		- - Từ nguyên liệu dệt khác:			
6203	19	10	- - - Từ sợi bông	30	25	20
6203	19	20	- - - Từ gai ramie, lanh hoặc tơ tằm	30	25	20
6203	19	90	- - - Loại khác	30	25	20
			- Bộ quần áo đồng bộ:			
6203	21	00	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	30	25	20
6203	22	00	- - Từ sợi bông	30	25	20
6203	23	00	- - Từ sợi tổng hợp	30	25	20
6203	29		- - Từ nguyên liệu dệt khác:			
6203	29	10	- - - Từ gai ramie, lanh hoặc tơ tằm	30	25	20
6203	29	90	- - - Loại khác	30	25	20
			- Áo jacket và áo khoác thể thao:			
6203	31	00	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	30	25	20
6203	32	00	- - Từ sợi bông	30	25	20
6203	33	00	- - Từ sợi tổng hợp	30	25	20
6203	39		- - Từ nguyên liệu dệt khác:			
6203	39	10	- - - Từ gai ramie, lanh hoặc tơ tằm	30	25	20
6203	39	90	- - - Loại khác	30	25	20
			- Quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chẽn và quần soóc:			
6203	41		- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn:			
6203	41	10	- - - Quần yếm có dây đeo	30	25	20
6203	41	90	- - - Loại khác	30	25	20
6203	42		- - Từ sợi bông:			
6203	42	10	- - - Quần yếm có dây đeo	30	25	20
6203	42	90	- - - Loại khác	30	25	20
6203	43		- - Từ sợi tổng hợp:			
6203	43	10	- - - Quần yếm có dây đeo	30	25	20

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
6203	43	90	- - - Loại khác	30	25	20
6203	49		- - Từ nguyên liệu dệt khác:			
6203	49	10	- - - Quần yếm có dây đeo từ gai ramie, vải lanh hoặc tơ tằm	30	25	20
6203	49	20	- - - Quần yếm có dây đeo từ vật liệu khác	30	25	20
6203	49	30	- - - Loại khác, từ gai ramie, lanh hoặc tơ tằm	30	25	20
6203	49	90	- - - Loại khác	30	25	20
6204			**Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo khoác thể thao, áo váy dài, váy, quần váy, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chẽn, và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái**			
			- Bộ com-lê:			
6204	11	00	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	30	25	20
6204	12	00	- - Từ sợi bông	30	25	20
6204	13	00	- - Từ sợi tổng hợp	30	25	20
6204	19		- - Từ nguyên liệu dệt khác:			
6204	19	10	- - - Từ gai ramie, lanh hoặc tơ tằm	30	25	20
6204	19	90	- - - Loại khác	30	25	20
			- Bộ quần áo đồng bộ:			
6204	21	00	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	30	25	20
6204	22	00	- - Từ sợi bông	30	25	20
6204	23	00	- - Từ sợi tổng hợp	30	25	20
6204	29		- - Từ nguyên liệu dệt khác:			
6204	29	10	- - - Từ gai ramie, lanh hoặc tơ tằm	30	25	20
6204	29	90	- - - Loại khác	30	25	20
			- Áo jacket và áo khoác thể thao:			
6204	31	00	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	30	25	20
6204	32	00	- - Từ sợi bông	30	25	20
6204	33	00	- - Từ sợi tổng hợp	30	25	20
6204	39		- - Từ nguyên liệu dệt khác:			
6204	39	10	- - - Từ gai ramie, lanh hoặc tơ tằm	30	25	20
6204	39	90	- - - Loại khác	30	25	20
			- Áo váy dài:			

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
6204	41	00	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	30	25	20
6204	42	00	- - Từ sợi bông	30	25	20
6204	43	00	- - Từ sợi tổng hợp	30	25	20
6204	44	00	- - Từ sợi tái tạo	30	25	20
6204	49		- - Từ nguyên liệu dệt khác:			
6204	49	10	- - - Từ gai ramie, lanh hoặc tơ tằm	30	25	20
6204	49	90	- - - Loại khác	30	25	20
			- Váy và quần váy:			
6204	51	00	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	30	25	20
6204	52	00	- - Từ sợi bông	30	25	20
6204	53	00	- - Từ sợi tổng hợp	30	25	20
6204	59		- - Từ nguyên liệu dệt khác:			
6204	59	10	- - - Từ gai ramie, lanh hoặc tơ tằm	30	25	20
6204	59	90	- - - Loại khác	30	25	20
			- Quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chẽn và quần soóc:			
6204	61	00	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	30	25	20
6204	62	00	- - Từ sợi bông	30	25	20
6204	63	00	- - Từ sợi tổng hợp	30	25	20
6204	69		- - Từ nguyên liệu dệt khác:			
6204	69	10	- - - Từ gai ramie, lanh hoặc tơ tằm	30	25	20
6204	69	90	- - - Loại khác	30	25	20
6205			**Áo sơ mi nam giới hoặc trẻ em trai**			
6205	10	00	- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	30	25	20
6205	20	00	- Từ sợi bông	30	25	20
6205	30	00	- Từ sợi nhân tạo	30	25	20
6205	90		- Từ nguyên liệu dệt khác:			
6205	90	10	- - Từ gai ramie, lanh hoặc tơ tằm	30	25	20
6205	90	90	- - Loại khác	30	25	20
6206			**Áo choàng ngắn, áo sơ mi và áo choàng sơ mi phỏng kiểu nam cho phụ nữ hoặc trẻ em gái**			
6206	10	00	- Từ tơ tằm hoặc phế liệu tơ tằm	30	25	20
6206	20	00	- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	30	25	20

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
6206	30	00	- Từ sợi bông	30	25	20
6206	40	00	- Từ sợi nhân tạo	30	25	20
6206	90		- Từ nguyên liệu dệt khác:			
6206	90	10	- - - Từ gai ramie, lanh hoặc tơ tằm	30	25	20
6206	90	90	- - - Loại khác	30	25	20
6207			**Áo may ô và các loại áo lót khác, quần lót, quần đùi, quần sịp, áo ngủ, bộ pyjama, áo choàng tắm, áo khoác ngoài mặc trong nhà và các loại tương tự, dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai**			
			- Quần lót, quần đùi và quần sịp:			
6207	11	00	- - Từ sợi bông	30	25	20
6207	19	00	- - Từ nguyên liệu dệt khác	30	25	20
			- Áo ngủ và bộ pyjama:			
6207	21	00	- - Từ sợi bông	30	25	20
6207	22	00	- - Từ sợi nhân tạo	30	25	20
6207	29		- - Từ nguyên liệu dệt khác:			
6207	29	10	- - - Từ tơ tằm	30	25	20
6207	29	90	- - - Loại khác	30	25	20
			- Loại khác:			
6207	91		- - Từ sợi bông:			
6207	91	10	- - - Đồ bơi, quần sịp dùng trong điền kinh, kể cả áo liền quần sịp; áo lót thể thao	30	25	20
6207	91	20	- - - Áo choàng tắm, áo khoác ngoài mặc trong nhà và các loại tương tự	30	25	20
6207	91	30	- - - Áo choàng cho những người hành hương	30	25	20
6207	91	90	- - - Loại khác	30	25	20
6207	92		- - Từ sợi nhân tạo:			
6207	92	10	- - - Đồ bơi, quần sịp dùng trong điền kinh, kể cả áo liền quần sịp; áo lót thể thao	30	25	20
6207	92	20	- - - Áo choàng tắm, áo khoác ngoài mặc trong nhà và các loại tương tự	30	25	20
6207	92	90	- - - Loại khác	30	25	20
6207	99		- - Từ nguyên liệu dệt khác:			

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
			- - - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn:			
6207	99	11	- - - - Đồ bơi hoặc quần sịp dùng trong điền kinh và áo lót thể thao	30	25	20
6207	99	12	- - - - Áo choàng tắm, áo khoác ngoài mặc trong nhà và các loại tương tự	30	25	20
6207	99	19	- - - - Loại khác	30	25	20
			- - - Loại khác:			
6207	99	91	- - - - Đồ bơi hoặc quần sịp dùng trong điền kinh và áo lót thể thao	30	25	20
6207	99	92	- - - - Áo choàng tắm, áo khoác ngoài mặc trong nhà và các loại tương tự	30	25	20
6207	99	99	- - - - Loại khác	30	25	20
6208			**Áo may ô và các loại áo lót khác, váy lót, váy lót trong, quần xi líp, quần đùi bó, áo ngủ, bộ pyjama, áo mỏng mặc trong nhà, áo choàng tắm, áo khoác ngoài mặc trong nhà và các loại tương tự dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái**			
			- Váy lót và váy lót trong:			
6208	11	00	- - Từ sợi nhân tạo	30	25	20
6208	19		- - Từ nguyên liệu dệt khác:			
6208	19	10	- - - Từ tơ tằm	30	25	20
6208	19	90	- - - Loại khác	30	25	20
			- Áo ngủ và bộ pyjama:			
6208	21	00	- - Từ sợi bông	30	25	20
6208	22	00	- - Từ sợi nhân tạo	30	25	20
6208	29		- - Từ nguyên liệu dệt khác:			
6208	29	10	- - - Từ tơ tằm	30	25	20
6208	29	90	- - - Loại khác	30	25	20
			- Loại khác:			
6208	91		- - Từ sợi bông:			
6208	91	10	- - - Quần đùi bó	30	25	20
6208	91	20	- - - Áo mỏng mặc trong nhà, áo choàng tắm, áo khoác ngoài mặc trong nhà và các loại tương tự	30	25	20

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
6208	91	90	- - - Loại khác	30	25	20
6208	92		- - Từ sợi nhân tạo:			
6208	92	10	- - - Quần đùi bó, áo mỏng mặc trong nhà, áo choàng tắm, áo khoác ngoài mặc trong nhà và các loại tương tự	30	25	20
6208	92	90	- - - Loại khác	30	25	20
6208	99		- - Từ nguyên liệu dệt khác:			
			- - - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn:			
6208	99	11	- - - - Quần đùi bó, áo mỏng mặc trong nhà, áo choàng tắm, áo khoác ngoài mặc trong nhà và các loại tương tự	30	25	20
6208	99	19	- - - - Loại khác	30	25	20
			- - - Loại khác:			
6208	99	91	- - - - Quần đùi bó, áo mỏng mặc trong nhà , áo choàng tắm, áo khoác ngoài mặc trong nhà và các loại tương tự	30	25	20
6208	99	99	- - - - Loại khác	30	25	20
6209			**Quần áo may sẵn và đồ phụ kiện hàng may cho trẻ em**			
6209	10		- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn:			
6209	10	10	- - Bộ comlê, quần và các loại tương tự	30	25	20
6209	10	20	- - Áo T-shirts, áo sơ mi, bộ quần áo pyjama, tã lót (vải tã lót) và các loại tương tự	30	25	20
6209	10	30	- - Phụ kiện may mặc	30	25	20
6209	10	90	- - Loại khác	30	25	20
6209	20		- Từ bông:			
6209	20	10	- - Bộ quần áo, quần đùi và các loại tương tự	30	25	20
6209	20	20	- - Áo T-shirts , áo sơ mi, bộ quần áo pyjama, tã lót (vải tã lót) và các loại tương tự	30	25	20
6209	20	30	- - Phụ kiện may mặc	30	25	20
6209	20	90	- - Loại khác	30	25	20
6209	30		- Từ sợi tổng hợp:			
6209	30	10	- - Bộ Comlê, quần và các loại tương tự	30	25	20
6209	30	20	- - Áo T-shirts , áo sơ mi, bộ quần áo pyjama, tã lót (vải tã lót) và các loại tương tự	30	25	20

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
6209	30	30	- - Phụ kiện may mặc	30	25	20
6209	30	90	- - Loại khác	30	25	20
6209	90		- Từ nguyên liệu dệt khác:			
6209	90	10	- - Bộ Comlê, quần và các loại tương tự	30	25	20
6209	90	20	- - Áo T-shirts , áo sơ mi, bộ quần áo pyjama, tã lót (vải tã lót) và các loại tương tự	30	25	20
6209	90	30	- - Phụ kiện may mặc	30	25	20
6209	90	90	- - Loại khác	30	25	20
6210			**Quần áo may từ các loại vải thuộc nhóm 56.02, 56.03, 59.03, 59.06 hoặc 59.07**			
6210	10		- Từ các loại vải thuộc nhóm 56.02 hoặc 56.03:			
			- - Quần áo của nam giới hoặc trẻ em trai:			
6210	10	11	- - - Quần áo bảo hộ dùng trong công nghiệp	30	25	20
6210	10	19	- - - Loại khác	30	25	20
			- - Quần áo phụ nữ hoặc trẻ em gái:			
6210	10	91	- - - Quần áo bảo hộ dùng trong công nghiệp	30	25	20
6210	10	99	- - - Loại khác	30	25	20
6210	20		- Quần áo khác, loại được mô tả từ phân nhóm 6201.11 đến 6201.19:			
			- - Quần áo bảo hộ dùng trong công nghiệp:			
6210	20	11	- - - Chống cháy	30	25	20
6210	20	19	- - - Loại khác	30	25	20
			- - Loại khác:	0	0	0
6210	20	91	- - - Chống cháy	30	25	20
6210	20	99	- - - Loại khác	30	25	20
6210	30		- Quần áo khác, loại được mô tả từ phân nhóm 6202.11 đến 6202.19:			
			- - Quần áo bảo hộ dùng trong công nghiệp:			
6210	30	11	- - - Chống cháy	30	25	20
6210	30	19	- - - Loại khác	30	25	20
			- - Loại khác:			
6210	30	91	- - - Chống cháy	30	25	20
6210	30	99	- - - Loại khác	30	25	20
6210	40		- Quần áo khác dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai:			

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
6210	40	10	- - Chống cháy	30	25	20
6210	40	90	- - Loại khác	30	25	20
6210	50		- Quần áo khác dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái:			
6210	50	10	- - Chống cháy	30	25	20
6210	50	90	- - Loại khác	30	25	20
6211			**Bộ quần áo thể thao, bộ quần áo trượt tuyết và quần áo bơi; quần áo khác**			
			- Quần áo bơi:			
6211	11	00	- - Dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai	30	25	20
6211	12	00	- - Dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái	30	25	20
6211	20		- Bộ quần áo trượt tuyết:			
			- - Dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai:			
6211	20	11	- - - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	30	25	20
6211	20	19	- - - Loại khác	30	25	20
			- - Dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái:			
6211	20	21	- - - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	30	25	20
6211	20	29	- - - Loại khác	30	25	20
			- Quần áo khác dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai:			
6211	31	00	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	30	25	20
6211	32	00	- - Từ bông	30	25	20
6211	33		- - Từ sợi nhân tạo:			
6211	33	10	- - - Chống cháy	30	25	20
6211	33	20	- - - Bộ áo liền quần của phi công	30	25	20
6211	33	90	- - - Loại khác	30	25	20
6211	39		- - Từ nguyên liệu dệt khác:			
6211	39	10	- - - Chống cháy	30	25	20
6211	39	90	- - - Loại khác	30	25	20
			- Quần áo khác dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái:			
6211	41	00	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	30	25	20
6211	42		- - Từ bông:			
6211	42	10	- - - Áo choàng không tay dùng trong lễ cầu nguyện	30	25	20

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
6211	42	90	- - - Loại khác	30	25	20
6211	43		- - Từ sợi nhân tạo:			
6211	43	10	- - - Áo choàng cho phẫu thuật	30	25	20
6211	43	20	- - - Áo choàng không tay trong lễ cầu nguyện	30	25	20
6211	43	30	- - - Bộ áo liền quần của phi công	30	25	20
6211	43	90	- - - Loại khác	30	25	20
6211	49		- - Từ nguyên liệu dệt khác:			
6211	49	10	- - - Áo choàng không tay trong lễ cầu nguyện	30	25	20
6211	49	90	- - - Loại khác	30	25	20
6212			**Xu chiêng, gen, áo nịt ngực, dây đeo quần, dây móc bít tất, nịt tất, các sản phẩm tương tự và các chi tiết của chúng, được làm hoặc không được làm từ dệt kim hoặc móc**			
6212	10		- Xu chiêng:			
6212	10	10	- - Từ bông	30	25	20
6212	10	90	- - Từ các loại nguyên liệu dệt khác	30	25	20
6212	20		- Gen và quần gen:			
6212	20	10	- - Từ bông	30	25	20
6212	20	90	- - Từ các loại nguyên liệu dệt khác	30	25	20
6212	30		- Coóc xê nịt bụng:			
6212	30	10	- - Từ bông	30	25	20
6212	30	90	- - Từ các loại nguyên liệu dệt khác	30	25	20
6212	90		- Loại khác:			
6212	90	10	- - Từ bông	30	25	20
6212	90	90	- - Từ các loại nguyên liệu dệt khác	30	25	20
6213			**Khăn tay và khăn quàng cổ nhỏ hình vuông**			
6213	10	00	- Từ tơ tằm hoặc phế liệu tơ tằm	30	25	20
6213	20	00	- Từ bông	30	25	20
6213	90	00	- Từ nguyên liệu dệt khác	30	25	20
6214			**Khăn san, khăn choàng vai, khăn quàng cổ, khăn choàng rộng đội đầu và choàng vai, mạng che mặt và các loại tương tự**			

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
6214	10	00	- Từ tơ tằm hoặc phế liệu tơ tằm	30	25	20
6214	20	00	- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	30	25	20
6214	30	00	- Từ sợi tổng hợp	30	25	20
6214	40	00	- Từ sợi tái tạo	30	25	20
6214	90	00	- Từ nguyên liệu dệt khác	30	25	20
6215			**Nơ thường, nơ con bướm và cà vạt**			
6215	10	00	- Từ tơ tằm hoặc phế liệu tơ tằm	30	25	20
6215	20	00	- Từ sợi nhân tạo	30	25	20
6215	90		- Từ nguyên liệu dệt khác:			
6215	90	10	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	30	25	20
6215	90	90	- - Loại khác	30	25	20
6216			**Găng tay, găng tay hở ngón và găng tay bao**			
6216	00	10	- Găng tay bảo hộ lao động, găng tay hở ngón và găng tay bao	30	25	20
			- Loại khác:			
6216	00	91	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	30	25	20
6216	00	92	- - Từ bông, trừ các loại thuộc mã số 6216.00.10	30	25	20
6216	00	99	- - Loại khác	30	25	20
6217			**Phụ kiện may mặc làm sẵn khác; các chi tiết của quần áo hoặc của phụ kiện may làm sẵn, trừ các loại thuộc nhóm 62.12**			
6217	10		- Phụ kiện may mặc:			
			- - Tất dài, tất ngắn, tất không bàn chân và các loại tương tự:			
6217	10	11	- - - Dùng cho nam giới	30	25	20
6217	10	19	- - - Dùng cho phụ nữ và trẻ em	30	25	20
6217	10	20	- - Đệm vai	30	25	20
6217	10	90	- - Loại khác	30	25	20
6217	90	00	- Các chi tiết của quần áo	30	25	20

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
			I. CÁC MẶT HÀNG MAY SẴN HOÀN THIỆN KHÁC			
6301			**Chăn và chăn du lịch**			
6301	10	00	- Chăn điện	30	25	20
6301	20	00	- Chăn (trừ chăn điện) và chăn du lịch, từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	30	25	20
6301	30	00	- Chăn (trừ chăn điện) và chăn du lịch, từ bông	30	25	20
6301	40		- Chăn (trừ chăn điện) và chăn du lịch, từ sợi tổng hợp:			
6301	40	10	- - Từ vải không dệt	30	25	20
6301	40	90	- - Loại khác	30	25	20
6301	90		- Chăn và chăn du lịch khác:			
6301	90	10	- - Từ vải không dệt	30	25	20
6301	90	90	- - Loại khác	30	25	20
6302			**Khăn trải giường, khăn trải bàn, khăn trong phòng vệ sinh và khăn nhà bếp**			
6302	10	00	- Khăn trải giường, dệt kim hoặc móc	30	25	20
			- Khăn trải giường khác, đã in:			
6302	21	00	- - Từ bông	30	25	20
6302	22		- - Từ sợi nhân tạo:			
6302	22	10	- - - Từ vải không dệt	30	25	20
6302	22	90	- - - Loại khác	30	25	20
6302	29	00	- - Từ nguyên liệu dệt khác	30	25	20
			- Khăn trải giường khác:			
6302	31	00	- - Từ bông	30	25	20
6302	32		- - Từ sợi nhân tạo:			
6302	32	10	- - - Từ vải không dệt	30	25	20
6302	32	90	- - - Loại khác	30	25	20
6302	39	00	- - Từ nguyên liệu dệt khác	30	25	20
6302	40	00	- Khăn trải bàn, dệt kim hoặc móc	30	25	20
			- Khăn trải bàn khác:			
6302	51	00	- - Từ bông	30	25	20
6302	52	00	- - Từ lanh	30	25	20

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
6302	53		- - Từ sợi nhân tạo:			
6302	53	10	- - - Từ vải không dệt	30	25	20
6302	53	90	- - - Loại khác	30	25	20
6302	59	00	- - Từ nguyên liệu dệt khác	30	25	20
6302	60	00	- Khăn trong phòng vệ sinh, khăn nhà bếp, từ vải dệt vòng lông hoặc các loại vải dệt vòng lông tương tự, từ sợi bông	30	25	20
			- Loại khác:			
6302	91	00	- - Từ bông	30	25	20
6302	92	00	- - Từ lanh	30	25	20
6302	93		- - Từ sợi nhân tạo:			
6302	93	10	- - - Từ vải không dệt	30	25	20
6302	93	90	- - - Loại khác	30	25	20
6302	99	00	- - Từ nguyên liệu dệt khác	30	25	20
6303			**Màn che (kể cả rèm trang trí) và rèm mờ che phía trong; diềm màn che hoặc diềm giường**			
			- Dệt kim hoặc móc:			
6303	11	00	- - Từ bông	30	25	20
6303	12	00	- - Từ sợi tổng hợp	30	25	20
6303	19	00	- - Từ nguyên liệu dệt khác	30	25	20
			- Loại khác:			
6303	91	00	- - Từ bông	30	25	20
6303	92	00	- - Từ sợi tổng hợp	30	25	20
6303	99	00	- - Từ nguyên liệu dệt khác	30	25	20
6304			**Các sản phẩm trang trí nội thất khác, trừ các loại thuộc nhóm 94.04**			
			- Các bộ khăn phủ giường:			
6304	11	00	- - Dệt kim hoặc móc	30	25	20
6304	19		- - Loại khác:			
6304	19	10	- - - Từ bông	30	25	20
6304	19	20	- - - Từ vải không dệt	30	25	20
6304	19	90	- - - Từ loại nguyên liệu dệt khác	30	25	20
			- Loại khác:			
6304	91	00	- - Dệt kim hoặc móc	30	25	20

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
6304	92		- - Không thuộc hàng dệt kim hoặc móc, từ bông:			
6304	92	10	- - - Màn chống muỗi	30	25	20
6304	92	20	- - - Từ phớt có hoặc không ngâm tẩm hoặc tráng, có trọng lượng từ 750 g/m^2 trở lên	30	25	20
6304	92	30	- - - Từ phớt có hoặc không ngâm tẩm hoặc tráng, có trọng lượng dưới 750 g/m^2	30	25	20
6304	92	90	- - - Loại khác	30	25	20
6304	93		- - Từ sợi tổng hợp, không thuộc hàng dệt kim hoặc móc:			
6304	93	10	- - - Màn chống muỗi	30	25	20
6304	93	90	- - - Loại khác	30	25	20
6304	99		- - Từ nguyên liệu dệt kim khác, không thuộc hàng dệt kim hoặc móc:			
6304	99	10	- - - Màn chống muỗi	30	25	20
6304	99	90	- - - Loại khác	30	25	20
6305			**Bao và túi dùng để đóng, gói hàng**			
6305	10		- Từ đay hoặc các nguyên liệu dệt từ sợi libe khác thuộc nhóm 53.03:			
6305	10	10	- - Mới	30	25	20
6305	10	20	- - Đã sử dụng	30	25	20
6305	20		- Từ bông:			
6305	20	10	- - Dệt kim hoặc móc	30	25	20
6305	20	90	- - Loại khác	30	25	20
			- Từ nguyên liệu dệt nhân tạo:			
6305	32		- - Túi, bao đựng hàng loại lớn có thể gấp, mở linh hoạt:			
6305	32	10	- - - Từ vải không dệt	30	25	20
6305	32	20	- - - Dệt kim hoặc móc	30	25	20
6305	32	90	- - - Loại khác	30	25	20
6305	33		- - Loại khác, từ polyetylen hoặc dải polypropylen hoặc dạng tương tự:			
6305	33	10	- - - Dệt kim hoặc móc	30	25	20
6305	33	20	- - - Bằng sợi dệt dạng dải và tương tự	30	25	20
6305	33	90	- - - Loại khác	30	25	20
6305	39		- - Loại khác:			

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
6305	39	10	- - - Từ vải không dệt	30	25	20
6305	39	20	- - - Dệt kim hoặc móc	30	25	20
6305	39	90	- - - Loại khác	30	25	20
6305	90		- Từ nguyên liệu dệt khác:			
			- - Từ gai dầu thuộc nhóm 53.04:			
6305	90	11	- - - Dệt kim hoặc móc	30	25	20
6305	90	19	- - - Loại khác	30	25	20
			- - Từ sợi dừa thuộc nhóm 53.05:			
6305	90	81	- - - Dệt kim hoặc móc	30	25	20
6305	90	89	- - - Loại khác	30	25	20
6305	90	90	- - Loại khác	30	25	20
6306			**Tấm vải chống thấm nước, tấm hiên và tấm che nắng; tăng; buồm cho tầu thuyền, cho ván lướt hoặc ván lướt cát; các sản phẩm dùng cho cắm trại**			
			- Tấm vải chống thấm nước, tấm hiên và tấm che nắng:			
6306	11	00	- - Từ sợi bông	30	25	20
6306	12	00	- - Từ sợi tổng hợp	30	25	20
6306	19		- - Từ nguyên liệu dệt khác:			
6306	19	10	- - - Từ sợi gai dầu thuộc nhóm 53.04 hoặc xơ dừa thuộc nhóm 53.05	30	25	20
6306	19	90	- - - Loại khác	30	25	20
			- Tăng:			
6306	21	00	- - Từ sợi bông	30	25	20
6306	22	00	- - Từ sợi tổng hợp	30	25	20
6306	29	00	- - Từ nguyên liệu dệt khác	30	25	20
			- Buồm cho tầu thuyền:			
6306	31	00	- - Từ sợi tổng hợp	30	25	20
6306	39	00	- - Từ nguyên liệu dệt khác	30	25	20
			- Đệm hơi:			
6306	41	00	- - Từ sợi bông	30	25	20
6306	49		- - Từ nguyên liệu dệt khác:			
6306	49	10	- - - Từ vải không dệt	30	25	20

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09639630

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)		
				2003	2004	2005
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
6306	49	90	- - - Loại khác	30	25	20
			- Loại khác:			
6306	91	00	- - Từ bông	30	25	20
6306	99		- - Từ nguyên liệu dệt khác:			
6306	99	10	- - - Từ vải không dệt	30	25	20
6306	99	90	- - - Loại khác	30	25	20
6307			**Các mặt hàng may đã hoàn thiện khác kể cả mẫu cắt may**			
6307	10		- Khăn lau sàn, khăn lau bát đĩa, khăn lau bụi và các loại khăn lau tương tự:			
6307	10	10	- - Từ vải không dệt	30	25	20
6307	10	20	- - Từ phớt	30	25	20
6307	10	90	- - Loại khác	30	25	20
6307	20		- Áo cứu sinh và đai cứu sinh:			
6307	20	10	- - Áo cứu sinh	30	25	20
6307	20	20	- - Đai cứu sinh	30	25	20
6307	90		- Loại khác:			
6307	90	10	- - Đai và dây nịt an toàn trong công nghiệp	30	25	20
6307	90	20	- - Mặt nạ dùng trong phẫu thuật	30	25	20
6307	90	30	- - Tấm phủ ô che, cắt sẵn hình tam giác	30	25	20
6307	90	40	- - Dây buộc, diềm trang trí của giầy dép	30	25	20
6307	90	50	- - Mẫu cắt may	30	25	20
6307	90	90	- - Loại khác	30	25	20
			II - BỘ VẢI KÈM CHỈ TRANG TRÍ			
6308	**00**	**00**	**Bộ vải bao gồm vải và chỉ, có hoặc không có phụ kiện dùng để làm chăn, thảm trang trí, khăn trải bàn hoặc khăn ăn đã thêu, hoặc các sản phẩm dệt tương tự đóng gói sẵn để bán lẻ**	30	25	20

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com